

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Ngô Thị Phương Thanh

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY TUYỂN THAN HÒN GAI

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Ngô Thị Phương Thanh

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Phạm Văn Tường

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Ngô Thị Phương Thanh Mã SV: 1213401166

Lớp : QTL601K Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại

Công ty tuyển than Hòn Gai

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp
 - Phân tích thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty tuyển than Hòn Gai
 - Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán nguyên vật liệu công ty tuyển than Hòn Gai
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
 - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác kế toán nguyên vật liệu công ty tuyển than Hòn Gai, sử dụng số liệu năm **2013**.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:
 - Công ty tuyển than Hòn Gai
 - **Địa chỉ:** Số 46 Đoàn Thị Điểm - Bạch Đằng - Hạ Long - Quảng Ninh

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Văn Tường

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường ĐHDL Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại
Công ty tuyển than Hòn Gai

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 07 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 22 tháng 6 năm 2014

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

- 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**
 - Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Trách nhiệm cao, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.
 - Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết với thực tiễn làm cho bài viết thêm sinh động
 - Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp.
- 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**
 - Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.
 - Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đề tài đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty tuyển than Hòn Gai.
 - Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.
- 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**
 - Điểm số:.....
 - Điểm chữ:.....điểm.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 6 năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Phạm Văn Tường

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
PHẦN I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	3
1.1. Khái quát chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất ...	3
1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu	3
1.1.2. Đặc điểm đối tượng.....	3
1.1.3. Yêu cầu quản lý NVL	3
1.2. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu	4
1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu	4
1.2.2. Tính giá nguyên vật liệu.....	5
1.2.2.1. Tính giá nguyên vật liệu nhập kho.....	6
1.2.2.2. Tính giá NVL xuất kho	7
1.3. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.....	9
1.3.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.....	9
1.3.1.1. Chứng từ hạch toán	9
1.3.1.2. Hạch toán chi tiết NVL	9
1.3.1.2.1. Phương pháp thẻ song song	9
1.3.2. Hạch toán tổng hợp NVL trong doanh nghiệp sản xuất	13
1.3.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên	13
1.3.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ ..	16
1.4. Tổ chức sổ kế toán NVL tại các doanh nghiệp.....	19
1.4.1. Hình thức nhật ký chung	19
1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ Cái	20
1.4.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	21
1.4.4. Hình thức Nhật ký – Chứng từ.....	22
PHẦN II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TUYỂN THAN HÒN GAI	24
2.1. Tổng quan chung về công ty Tuyển than Hòn Gai	24
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty Tuyển than Hòn Gai	24
2.1.2. Đặc điểm tổ chức kinh doanh.....	26

2.1.2.1. Sản phẩm kinh doanh và nhiệm vụ kinh doanh	26
2.1.2.2. Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất than	27
2.1.2.3. Đặc điểm thị trường kinh doanh	29
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý.....	29
2.1.4. Đặc điểm bộ máy kế toán và công tác kế toán.....	32
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán	33
2.1.4.2. Tổ chức kế toán tại doanh nghiệp	35
2.2 Thực trạng kế toán NVL tại công ty tuyển than Hòn Gai.....	37
2.2.1 Đặc điểm NVL tại công ty Tuyển than Hòn Gai.	37
2.2.2. Chứng từ sử dụng để hạch toán bao gồm:.....	40
2.2.3. Tài khoản sử dụng	40
2.2.4. Sổ sách sử dụng:.....	40
2.2.5. Phương pháp tính giá NVL tại công ty tuyển than Hòn Gai.....	41
2.2.5.1 Phương pháp tính giá NVL nhập kho	41
2.2.5.2 Phương pháp tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho.....	43
2.2.6. Kế toán chi tiết NVL tại công ty Tuyển than Hòn Gai	43
2.2.6.1 Thủ tục nhập NVL	44
2.2.6.2 Thủ tục xuất nguyên vật liệu.....	55
2.2.6.3 Quy trình ghi sổ chi tiết NVL	66
2.2.7 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu	76
PHẦN III: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY	
TUYỂN THAN HÒN GAI.....	86
3.1. Đánh giá thực trạng kế toán NVL tại công ty tuyển than Hòn Gai	86
3.1.1. Ưu điểm.....	86
3.1.2. Nhược điểm:	87
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vật liệu tại công ty tuyển than Hòn Gai	88
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán NVL.....	88
3.2.2. Hoàn thiện công tác kế toán NVL tại công ty tuyển than Hòn Gai	88
KẾT LUẬN	94
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	96

LỜI MỞ ĐẦU

Bước sang thế kỉ XXI với những thành tựu đã đạt được đã tạo nền móng vững chắc để đưa Việt Nam thành một nước phát triển về công nghiệp. Hiện nay, ưu tiên của chính phủ là phát triển mạnh mẽ và hiệu quả trên tất cả các ngành nghề, lĩnh vực, tức là các doanh nghiệp đều có cơ hội đầu tư kinh doanh để thu được lợi nhuận cao nhất, đồng thời tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước, giữa doanh nghiệp trong nước và nước ngoài cũng được đẩy lên cao. Vì vậy, muốn tồn tại và phát triển các doanh nghiệp cần có chính sách phát triển phù hợp, củng cố cũng như hoàn thiện bộ máy quản lý, bộ máy kế toán, quy trình sản xuất... để sản phẩm của mình được khách hàng chấp nhận, có chỗ đứng vững chắc trên thị trường, có thương hiệu.

Muốn nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá, một trong những điều cần thiết là nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm hàng hoá. Để làm được điều đó các doanh nghiệp phải kịp thời nắm bắt chính xác các thông tin hoạt động kinh tế bao gồm “chi phí đầu vào” và “kết quả đầu ra”. Nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, đóng góp một phần lớn hình thành lên chất của của sản phẩm, ảnh hưởng đến chất lượng, giá thành sản phẩm. Mà ngành than lại sử dụng vật liệu và nhiên liệu chiếm 50% đến 60% trong giá thành sản phẩm. Nếu các doanh nghiệp có thể kiểm soát, sử dụng một cách có hiệu quả thì sẽ giảm một phần lớn chi phí, làm tăng sức cạnh tranh của sản phẩm than sạch trên thị trường.

Do đó các doanh nghiệp muốn tồn tại, đứng vững và ngày càng phát triển thì Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam nói chung, công ty Tuyển than Hòn Gai nói riêng cần phải đặc biệt quan tâm đến yếu tố nguyên vật liệu, bởi nó không chỉ là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất mà nó còn là yếu tố có thể kiểm soát, làm chủ được bằng việc tổ chức kế toán sử dụng vật liệu một cách khoa học, hợp lý, tối thiểu những lãng phí không cần thiết. Điều này có ý nghĩa hết sức thiết thực trong công tác quản lý và kiểm soát tài sản của công ty.

Để việc hạch toán vật liệu được thực hiện hiệu quả thì nhiệm vụ đặt vào vai của kế toán vật liệu, kế toán vật liệu cần phải ghi chép đầy đủ, tính toán, phản ánh trung thực, chính xác, hợp lý, kịp thời về số lượng, chất lượng, giá thành thực tế của từng loại vật liệu nhập, xuất, tồn kho, phân bổ chính xác giá trị vật liệu vào đối

tượng sử dụng. Thông qua việc ghi chép để kiểm tra tình hình thu mua, dự trữ, tiêu hao vật liệu để qua đó phát hiện, xử lý kịp thời các vật liệu thừa, ứ đọng, kém phẩm chất.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp, em quyết định chọn “**Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty tuyển than Hòn Gai**” làm đề tài nghiên cứu cho khóa luận tốt nghiệp của em.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận tốt nghiệp của em gồm 3 phần:

Phần I: Lý luận về kế toán nguyên vật liệu tại các Doanh nghiệp sản xuất.

Phần II: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu (NVL) tại công ty Tuyển than Hòn Gai.

Phần III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL tại công ty tuyển than Hòn Gai.

Trong thời gian thực hiện luận án, mặc dù em đã nỗ lực hết sức trong việc trình bày nhưng vì kinh nghiệm bản thân còn hạn chế, thời gian có hạn do vậy bản luận án không tránh khỏi một số thiếu sót. Kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô, các cán bộ kế toán của công ty để bản khóa luận này được hoàn thiện hơn.

Em xin cảm ơn GV Th.s Phạm Văn Tường cùng cán bộ nhân viên phòng kế toán công ty Tuyển than Hòn Gai đã giúp em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.

Hải Phòng, ngày 22 tháng 6 năm 2014

Người thực hiện

Ngô Thị Phương Thanh

PHẦN I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Khái quát chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu

Một trong những điều kiện thiết yếu để tiến hành sản xuất là đối tượng lao động. Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động được thể hiện dưới dạng vật hóa như: sắt, thép, trong doanh nghiệp cơ khí chế tạo, sợi trong doanh nghiệp dệt, da trong doanh nghiệp đóng giày, vải trong doanh nghiệp may mặc....

Nguyên liệu, vật liệu của doanh nghiệp là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng cho mục đích sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để chế tạo ra sản phẩm. Đối tượng lao động ở đây được hiểu là những vật mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp nhu cầu của mình.

Ví dụ: lốp xe được chế biến từ mủ cao su, mủ cao su (dạng chất lỏng) qua quá trình chế biến nhờ lao động của con người tác động vào tạo ra sản phẩm.

1.1.2. Đặc điểm đối tượng

Nguyên vật liệu chỉ tham gia một chu kỳ sản xuất nhất định và trong chu kỳ sản xuất đó vật liệu sẽ bị tiêu hao toàn bộ hoặc bị biến đổi hình thái vật chất ban đầu để cấu thành thực thể của sản phẩm. VD: xăng, dầu, nhớt,... bị tiêu hao toàn bộ. Về mặt giá trị: khi tham gia vào quá trình sản xuất thì giá trị của vật liệu sẽ được chuyển toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

1.1.3. Yêu cầu quản lý NVL

Nguyên vật liệu là một yếu tố không thể thiếu được của quá trình sản xuất – kinh doanh ở các doanh nghiệp. Giá trị nguyên vật liệu thường chiếm một tỉ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất – kinh doanh. Vì vậy, quản lý tốt khâu thu mua, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu là điều kiện cần thiết để đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Để tránh nhầm lẫn trong công tác quản lý và hạch toán NVL trước hết các doanh nghiệp cần xây dựng hệ thống danh điểm và đánh số danh điểm cho NVL. Hệ thống danh điểm và số danh điểm của NVL phải rõ ràng, chính xác tương đương với quy cách chủng loại của NVL.

Để quá trình sản xuất kinh doanh liên tục và sử dụng vốn tiết kiệm thì

doanh nghiệp phải xây dựng mức tồn kho tối đa và tối thiểu cho từng danh điểm NVL, tránh việc dự trữ quá nhiều hoặc quá ít một loại NVL nào đó. Định mức tồn kho của NVL còn là cơ sở để xây dựng kế hoạch thu mua NVL và kế hoạch tài chính doanh nghiệp.

Để bảo quản tốt NVL dự trữ, giảm thiểu hư hao, mất mát, các doanh nghiệp phải xây dựng hệ thống kho tàng, bền bỉ đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, bố trí nhân viên thủ kho có đủ phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn để quản lý NVL tồn kho và thực hiện các nghiệp vụ nhập, xuất kho, tránh việc bố trí kiêm nhiệm chức năng thủ kho với tiếp liệu và kế toán vật tư.

1.2. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu

1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu

Có rất nhiều tiêu thức phân loại NVL nhưng thông thường kế toán sử dụng các tiêu thức phân loại đây để phân loại NVL phục vụ cho quá trình theo dõi và phản ánh trên các sổ kế toán khác nhau. Tùy theo yêu cầu quản lý vật liệu mà từng doanh nghiệp thực hiện phân loại theo các cách khác nhau:

- Phân loại theo công dụng của nguyên vật liệu có các loại:
 - Nguyên vật liệu chính: là những loại nguyên liệu, vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể sản phẩm. Nguyên liệu: sản phẩm của ngành công nghiệp khai thác và ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp (VD: XN dệt, bông là NL); vật liệu chính: là sản phẩm của ngành công nghiệp chế biến.
 - VL phụ: là những loại VL khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành nên thực thể vật chất của sản phẩm mà có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc (son, xi, mạ..), mùi vị(hương liệu), hình dáng bề ngoài (bao bì), làm tăng thêm chất lượng hoặc giá trị sử dụng của sản phẩm (như son trong các sản phẩm gỗ, các chất xúc tác trong sản xuất hóa chất...); tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
 - Nhiên liệu: là những thứ vật liệu có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh như xăng, dầu, than củi, hơi đốt...
 - Phụ tùng thay thế: là những vật tư, sản phẩm dùng để thay thế sửa chữa máy móc thiết bị, TSCĐ, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất...(ốc, đinh vít để thay thế, sửa chữa MMTB, các loại vỏ, ruột xe để thay thế trong các PTVT..)
 - VL và thiết bị XD CB: là những loại vật liệu, thiết bị sử dụng cho XD CB

(như gạch, đá, cát, xi măng, sắt thép, bột trét tường, sơn...). Đối với thiết bị XDCB bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt các công trình XDCB (như các thiết bị điện: ổ điện, đèn điện, quạt, máy lạnh...; các thiết bị vệ sinh: bồn tắm, bồn rửa mặt...)

- Phế liệu: là những phần vật chất mà doanh nghiệp có thể thu hồi lại được (bên cạnh các loại thành phẩm) trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (VD: cắt may quần áo, vải vụn); là những loại vật liệu bị loại ra hoặc bị thải khỏi quá trình sản xuất sản phẩm (VD: thanh lý TSCĐ, CCDC).

Chú ý: Các khái niệm trên chỉ đúng khi gắn liền với từng doanh nghiệp sản xuất cụ thể vì: VL chính ở DN này lại là VL phụ ở doanh nghiệp khác....

• Phân loại theo nguồn hình thành gồm 3 loại:

- Vật liệu tự chế: là vật liệu doanh nghiệp tự tạo ra để phục vụ cho nhu cầu sản xuất.

- Vật liệu mua ngoài: là loại vật liệu doanh nghiệp không tự sản xuất mà do mua ngoài từ thị trường trong nước hoặc nhập khẩu.

- Vật liệu khác: là loại vật liệu hình thành do được cấp phát, biếu tặng, góp vốn liên doanh.

Phân loại theo mục đích sử dụng gồm:

- Vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm

- Vật liệu dùng cho các nhu cầu khác: phục vụ cho sản xuất chung, cho nhu cầu bán hàng, cho quản lý doanh nghiệp.

1.2.2. Tính giá nguyên vật liệu

Tính giá NVL có ý nghĩa quan trọng trong việc hạch toán đúng đắn tình hình tài sản cũng như chi phí sxkd. Tính giá nguyên liệu vật liệu là phương pháp kế toán dùng thước đo tiền tệ để thể hiện giá trị của NVL nhập, xuất, tồn kho trong kỳ. VL trong DN có thể được định giá theo 2 cách sau:

Giá thực tế: là giá được xác định trên cơ sở các chứng từ hợp lệ chứng minh cho các khoản chi hợp lệ của DN trong quá trình mua VL, CCDC.

Giá hạch toán: trong doanh nghiệp, vật liệu có nhiều loại, nhiều thứ khác nhau và động thường xuyên, do vậy, việc sử dụng giá thực tế để ghi chép hằng ngày kịp thời theo sự biến động đó là một công việc tốn nhiều lao động, nếu không sử dụng máy vi tính. Vì vậy doanh nghiệp có thể sử dụng một loại giá ổn định gọi là giá hạch toán để ghi chép, giá hạch toán là giá quy định thống nhất trong phạm vi doanh nghiệp và được sử dụng ổn định trong 1 thời gian dài. Giá

hạch toán của vật liệu có thể là giá mua thực tế ở một thời điểm nào đó hoặc giá kế hoạch do doanh nghiệp xây dựng trên cơ sở kinh nghiệm hoặc dựa vào giá thị trường.

1.2.2.1. Tính giá nguyên vật liệu nhập kho

Tính giá của nguyên vật liệu nhập kho tuân thủ theo nguyên tắc giá phí. Nguyên vật liệu nhập kho trong kỳ của doanh nghiệp bao gồm rất nhiều nguồn nhập khác nhau. Tùy theo từng nguồn nhập mà giá trị thực tế của vật liệu nhập kho được xác định khác nhau.

- Đối với vật liệu mua ngoài:

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế} \\ \text{của NVL} \\ \text{mua ngoài} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá mua} \\ \text{ghi trên} \\ \text{hoá đơn} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{thu} \\ \text{mua} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Các khoản thuế} \\ \text{không được} \\ \text{hoàn lại} \end{array} - \begin{array}{r} \text{CKTM,} \\ \text{Giảm giá} \\ \text{hàng mua} \end{array}$$

Trong đó:

– Chi phí thu mua: bao gồm chi phí vận chuyển, bốc dỡ, hao hụt trong định mức

– Các khoản thuế không được hoàn lại: như thuế nhập khẩu, thuế GTGT (nếu doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)...

- Đối với vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế của VL} \\ \text{thuê ngoài gccb} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá thực tế của} \\ \text{VL xuất thuê} \\ \text{ngoài gccb} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí thuê} \\ \text{ngoài gccb} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển (nếu} \\ \text{có)} \end{array}$$

- Đối với vật liệu tự chế:

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế của VL tự chế} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá thành sản xuất} \\ \text{VL} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí vận chuyển} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

- Đối với vật liệu được cấp:

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế của VL được cấp} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá theo biên bản giao nhận} \end{array}$$

- Đối với vật liệu nhận góp vốn liên doanh:

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế của vật liệu nhận góp vốn} \\ \text{liên doanh} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá trị vốn góp do hđld đánh giá} \end{array}$$

- Đối với vật liệu được biếu tặng, viện trợ:

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế của vật liệu được biếu tặng,} \\ \text{viện trợ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá thị trường tại thời điểm} \\ \text{nhận} \end{array}$$

- Đối với phế liệu thu hồi từ sản xuất:

$$\begin{array}{r} \text{Giá thực tế của phế liệu} \\ \text{thu hồi} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá có thể sử dụng lại hoặc giá có thể} \\ \text{bán} \end{array}$$

1.2.2.2. Tính giá NVL xuất kho

Việc lựa chọn phương pháp tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho phải căn cứ vào đặc điểm của từng doanh nghiệp về số lượng danh điểm, số lần nhập xuất nguyên vật liệu, trình độ của nhân viên kế toán, thủ kho, điều kiện kho tàng của doanh nghiệp. Điều 13 chuẩn mực số 02 nêu ra 4 phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho:

- Phương pháp giá thực tế đích danh
- Phương pháp bình quân
- Phương pháp nhập trước xuất trước
- Phương pháp nhập sau xuất trước

Ngoài ra trên thực tế còn có phương pháp giá hạch toán, phương pháp xác định giá trị tồn cuối kỳ theo giá mua lần cuối. Tuy nhiên khi xuất kho kế toán tính toán, xác định giá thực tế xuất kho theo đúng phương pháp đã đăng ký áp dụng và phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ kế toán.

Công thức chung :

$$\text{Trị giá vốn thực tế vật tư Xuất kho} = \text{Số lượng vật tư Xuất kho} \times \text{Đơn giá xuất kho}$$

- **Phương pháp giá thực tế đích danh:** Theo phương pháp này, vật tư xuất thuộc lô nào theo giá nào thì được tính theo đơn giá đó. Phương pháp này thường được áp dụng cho những doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

- Ưu điểm: Tính giá nguyên vật liệu kịp thời, theo dõi được thời gian bảo quản của nguyên vật liệu

- Nhược điểm: Phương pháp này đòi hỏi doanh nghiệp phải có điều kiện bảo quản từng lô nguyên vật liệu tồn kho, có ít chủng loại vật tư hoặc chủng loại vật tư ổn định, có tính tách biệt, giá trị đơn vị lớn và dễ dàng nhận diện

- Đối tượng áp dụng : phương pháp này dành cho những doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư và nhận diện được từng lô hàng.

- **Phương pháp Bình quân gia quyền:**

Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho được tính căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền

Trong đó, giá bình quân được tính theo 2 cách sau:

Cách 1: Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Giá vốn thực tế của NVL tồn đầu kỳ} + \text{Giá vốn thực tế của NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng vật liệu nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư nhưng số lần nhập, xuất của mỗi danh điểm nhiều.

- Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, giảm nhẹ được việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, không phụ thuộc vào số lần nhập xuất của từng danh điểm vật tư.

- Nhược điểm: Dồn công việc tính giá nguyên vật liệu xuất kho vào cuối kỳ hạch toán nên ảnh hưởng đến tiến độ của các khâu kế toán khác.

Cách 2 : Đơn giá Bình quân liên hoàn (bình quân sau mỗi lần nhập):

$$\text{Đơn giá Bình quân liên hoàn} = \frac{\text{Giá trị thực tế vật liệu tồn kho sau mỗi lần nhập} + \text{Giá đơn vị bình quân trước} \times \text{Số lượng thực tế vật liệu tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế vật liệu tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

- Ưu điểm: cách tính này xác định giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập kho hàng ngày nên có thể cung cấp thông tin một cách kịp thời.

- Nhược điểm : khối lượng công việc tính toán nhiều nên đòi hỏi tốn nhiều thời gian , công sức

- Đối tượng áp dụng : Phương pháp này chỉ thích hợp với những doanh nghiệp đã sử dụng kế toán máy.

— **Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):** Theo phương pháp này, nguyên vật liệu được tính giá thực tế xuất kho trên cơ sở giả định vật liệu nào nhập trước thì được xuất dùng trước và tính theo đơn giá của những lần nhập trước. Như vậy, nếu giá cả có xu hướng tăng lên thì giá trị hàng tồn kho cao và giá trị vật liệu xuất dùng nhỏ nên giá thành sản phẩm giảm, lợi nhuận tăng. Ngược lại giá cả có xu hướng giảm thì chi phí vật liệu trong kỳ sẽ lớn dẫn đến lợi nhuận trong kỳ giảm. Phương pháp này thích hợp trong thời kỳ lạm phát, và áp dụng đối với những doanh nghiệp ít danh điểm vật tư, số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều.

- **Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):** Theo phương pháp này, nguyên vật liệu được tính giá thực tế xuất kho trên cơ sở giả định vật liệu nào nhập sau được sử dụng trước và tính theo đơn giá của lần nhập sau. Phương pháp này cũng được áp dụng đối với các doanh nghiệp ít danh điểm vật tư và số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều. Phương pháp này thích hợp trong thời kỳ giảm phát.

1.3. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

1.3.1 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

1.3.1.1 Chứng từ hạch toán

1. Phiếu nhập kho (mẫu 01-VT)
2. Phiếu xuất kho (mẫu 02-VT)
3. Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (mẫu 03-VT)
4. Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (mẫu 04-VT)
5. Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (mẫu 05-VT)
6. Bảng kê mua hàng (mẫu 06-VT)
7. Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (mẫu 07-VT)
8. Hóa đơn giá trị gia tăng (mẫu 01 GTKT-3LL)

1.3.1.2 Hạch toán chi tiết NVL

1.3.1.2.1. Phương pháp thẻ song song

Trình tự ghi chép:

- Ở kho: dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập - xuất - tồn về mặt số lượng.

✓ Bước 1: Căn cứ vào chứng từ (phiếu nhập và phiếu xuất nguyên vật liệu) thủ kho thực hiện việc nhập - xuất nguyên vật liệu về hiện vật. Sau đó vào thẻ kho ở cột nhập và xuất tương ứng.

✓ Bước 2: Thủ kho thường xuyên đối chiếu giữa số tồn thực tế với số tồn trên thẻ kho.

✓ Bước 3: Cuối tháng thủ kho tính ra số tồn về mặt hiện vật cho từng loại nguyên vật liệu trên thẻ kho.

✓ Bước 4: Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi ghi xong thẻ kho thì người thủ kho chuyển chứng từ phiếu nhập - phiếu xuất cho kế toán nguyên vật liệu thông qua biên bản bàn giao (bản giao nhận chứng từ).

- Ở phòng kế toán: hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song

✓ Bước 1: Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi nhận được chứng từ do thủ kho chuyển đến kế toán nguyên vật liệu ghi đơn giá, sau đó tính thành tiền cho từng phiếu nhập hoặc phiếu xuất.

✓ Bước 2: Kế toán nguyên vật liệu vào sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu cho từng loại nguyên vật liệu cả về hiện vật và giá trị.

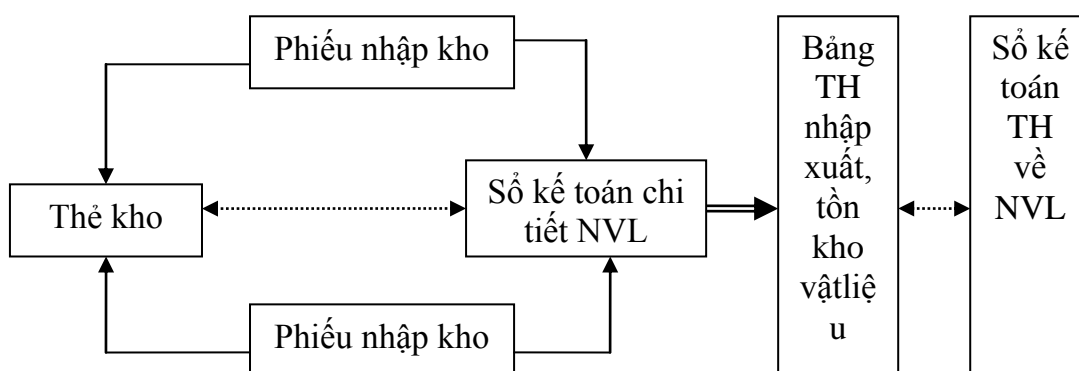
✓ Bước 3: cuối tháng kế toán nguyên vật liệu tính ra số tồn cả về hiện vật và giá trị cho từng loại nguyên vật liệu trên sổ chi tiết.

Lập kế hoạch đối chiếu với thủ kho về hiện vật, nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân và điều chỉnh. Kế toán nguyên vật liệu đối chiếu với kế toán tổng hợp về giá trị, sau đó lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn trên cơ sở số liệu của sổ chi tiết.

Ưu điểm: ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu

Nhược điểm: Việc ghi chép còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. Hạn chế chức năng kiểm tra của kế toán do cuối tháng mới tiến hành kiểm tra, đối chiếu.

Phạm vi áp dụng: thích hợp trong các doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, khối lượng các nghiệp vụ nhập - xuất ít, không thường xuyên và trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán còn hạn chế.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- <-.-> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song

1.3.1.2.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Nguyên tắc: ghi theo chỉ tiêu số lượng và giá trị

Trình tự ghi chép:

- ở kho: giống phương pháp thẻ song song ở trên
- ở phòng kế toán: hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

✓ Bước 1: Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi nhận được chứng từ thủ kho chuyển đến kế toán nguyên vật liệu ghi đơn giá tính thành tiền.

✓ Bước 2: Kế toán nguyên vật liệu phân loại chứng từ phiếu nhập nguyên vật liệu và phiếu xuất nguyên vật liệu. Dựa trên cơ sở phiếu nhập nguyên vật liệu lập bảng kê nhập nguyên vật liệu cả về hiện vật lẫn giá trị. Dựa trên cơ sở phiếu xuất nguyên vật liệu lập bảng kê xuất nguyên vật liệu cả về hiện vật lẫn giá trị.

✓ Bước 3: Cuối tháng kế toán nguyên vật liệu lấy số liệu trên bảng kê nhập và bảng kê xuất vào bảng đối chiếu luân chuyển, vào cột nhập cột xuất cho từng loại nguyên vật liệu tương ứng.

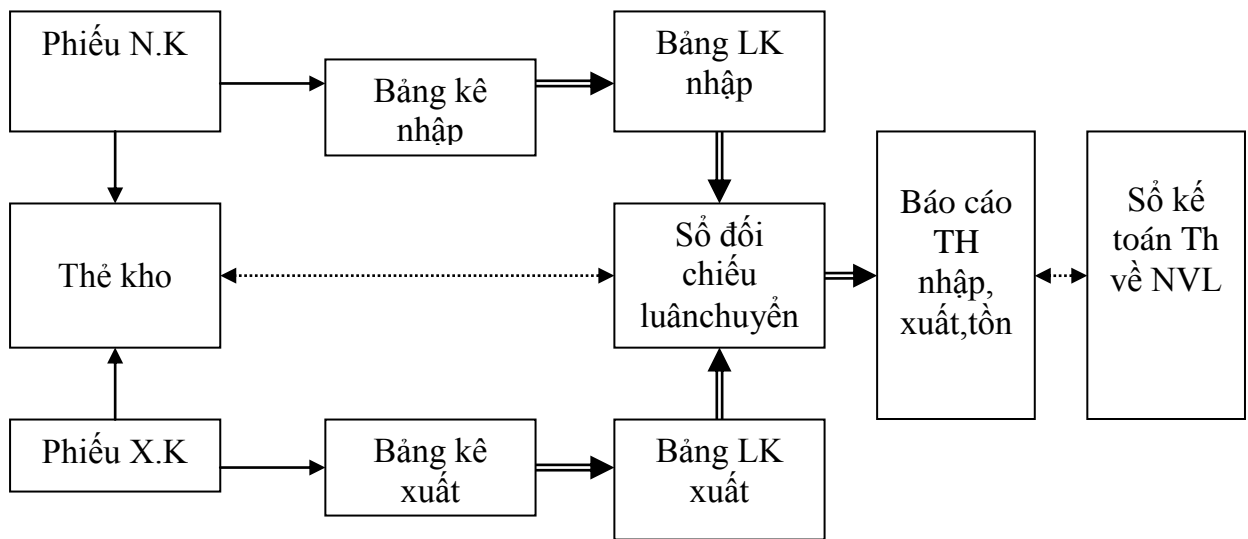
Cuối tháng kế toán nguyên vật liệu tính ra số tồn cả về hiện vật và giá trị cho từng loại nguyên vật liệu trên sổ đối chiếu luân chuyển. Số tồn cuối tháng này là số tồn của đầu tháng tiếp theo.

Cuối tháng kế toán nguyên vật liệu lập kế hoạch đối chiếu với thủ kho về hiện vật. Nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân để điều chỉnh.

Ưu điểm: khối lượng ghi chép của kế toán được giảm do chỉ ghi một lần vào cuối tháng

Nhược điểm: công việc của kế toán vật tư thường dồn vào cuối tháng làm cho các báo cáo kế toán thường không kịp thời

Phạm vi áp dụng: thích hợp với các doanh nghiệp có khối lượng nghiệp vụ nhập - xuất không nhiều, không bố trí riêng nhân viên kế toán chi tiết nguyên vật liệu, do vậy không có điều kiện theo dõi tình hình nhập - xuất hàng ngày.



Ghi chú:
 → Ghi hàng ngày
 ==> Ghi cuối tháng
 <-.-> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

1.3.1.2.3 Phương pháp sổ dư

Nguyên tắc: tại kho ghi chép theo chỉ tiêu số lượng, còn tại phòng kế toán theo chỉ tiêu giá trị

- Ở kho: Thủ kho ghi chép sự biến động nhập - xuất - tồn của từng loại hiện vật trên thẻ kho giống như phương pháp thẻ song song nhưng cuối tháng thủ kho lập sổ số dư trên cơ sở số liệu số tồn nguyên vật liệu trên thẻ kho, sau đó chuyển số này cho kế toán nguyên vật liệu.

- Ở phòng kế toán: hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.

- ✓ Bước 1: Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi nhận được chứng từ do thủ kho đem đến ghi đơn giá tính thành tiền.

- ✓ Bước 2: Định kỳ 5 hoặc 10 ngày kế toán nguyên vật liệu tổng hợp giá trị nguyên vật liệu nhập và xuất vào bảng kê lũy kế nhập xuất tồn.

- ✓ Bước 3: Cuối tháng kế toán nguyên vật liệu tính ra số tồn về giá trị cho từng loại nguyên vật liệu trên bảng kê lũy kế nhập - xuất - tồn.

- ✓ Bước 4: Cuối tháng sau khi nhận được sổ số dư do thủ kho chuyển đến kế toán tính thành tiền cho từng loại nguyên vật liệu tồn kho và ghi vào sổ số dư cột giá trị.

- ✓ Bước 5: Cuối tháng kế toán nguyên vật liệu tự tiến hành đối chiếu số liệu

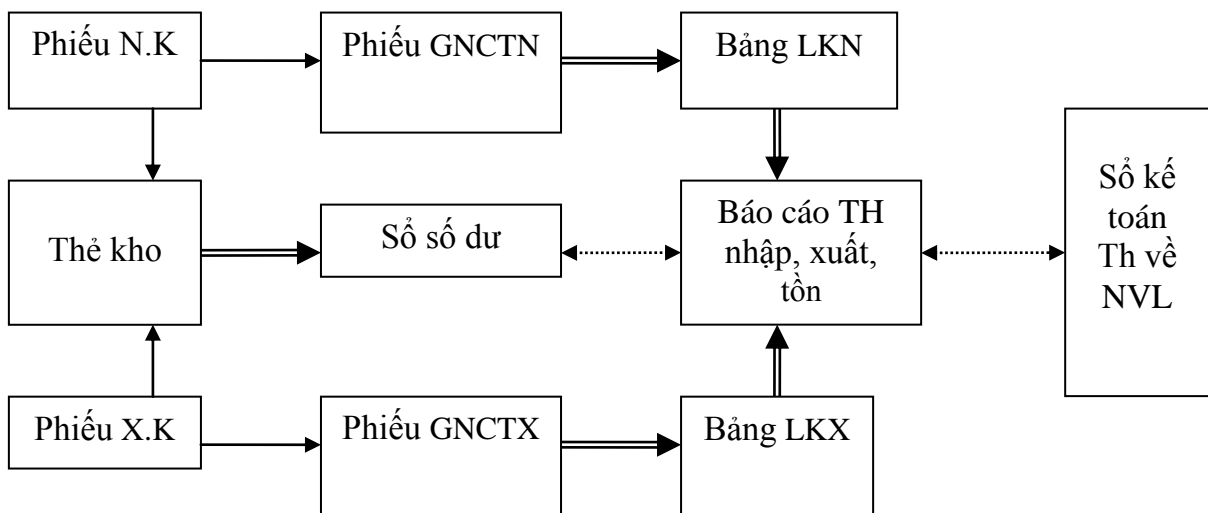
về giá trị số sổ dư và bảng kê lũy kế nhập xuất tồn, nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân và điều chỉnh.

✓ Bước 6: Cuối tháng kế toán nguyên vật liệu đối chiếu với kế toán tổng hợp về tổng giá trị nhập xuất tồn, nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân và điều chỉnh.

Ưu điểm: giảm được khối lượng ghi chép hàng ngày.

Nhược điểm: khó kiểm tra khi sai sót vì phòng kế toán chỉ theo dõi về mặt giá trị từng nhóm nguyên vật liệu.

Phạm vi áp dụng: phù hợp trong các doanh nghiệp có khối lượng các nghiệp vụ kinh tế về nhập - xuất diễn ra thường xuyên, nhiều chủng loại và xây dựng được hệ thống danh điểm nguyên vật liệu, dùng giá hạch toán để hạch toán hàng ngày tình hình nhập - xuất - tồn, yêu cầu về trình độ cán bộ kế toán của doanh nghiệp tương đối cao.



Ghi chú:
 → Ghi hàng ngày
 ==> Ghi cuối tháng
 <-.-> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư

1.3.2. Hạch toán tổng hợp NVL trong doanh nghiệp sản xuất

NVL là tài sản ngắn hạn thuộc nhóm hàng tồn kho của doanh nghiệp. Theo quy định hiện hành, một doanh nghiệp chỉ sử dụng một trong hai phương pháp kế toán tổng hợp hàng tồn kho là phương pháp kiểm kê định kỳ và phương pháp kê khai thường xuyên.

1.3.2.1 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường

xuyên

1.3.2.1.1 Tài khoản sử dụng

Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi thường xuyên, liên tục sự biến động nhập, xuất, tồn vật liệu trên sổ kế toán.

Tài khoản 152 - Nguyên vật liệu: Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có, biến động tăng giảm của các loại nguyên vật liệu theo giá thực tế.

Kết cấu TK 152:

-Bên Nợ:

+ Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công chế biến, nhận góp vốn liên doanh, được cấp hoặc nhập từ nguồn khác.

+ Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.

-Bên Có:

+ Giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho dùng cho sản xuất, xuất bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc góp vốn liên doanh.

+ Trị giá NVL được giảm giá, CKTM hoặc trả lại người bán.

+ Trị giá nguyên vật liệu thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê.

-Dư Nợ:

+ Giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Tài khoản 151 – Hàng mua đang đi đường:

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị các loại vật tư hàng hóa mà doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận thanh toán với người bán, nhưng cuối cùng chưa về nhập kho doanh nghiệp, còn đang trên đường vận chuyển hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho.

Kết cấu TK 151:

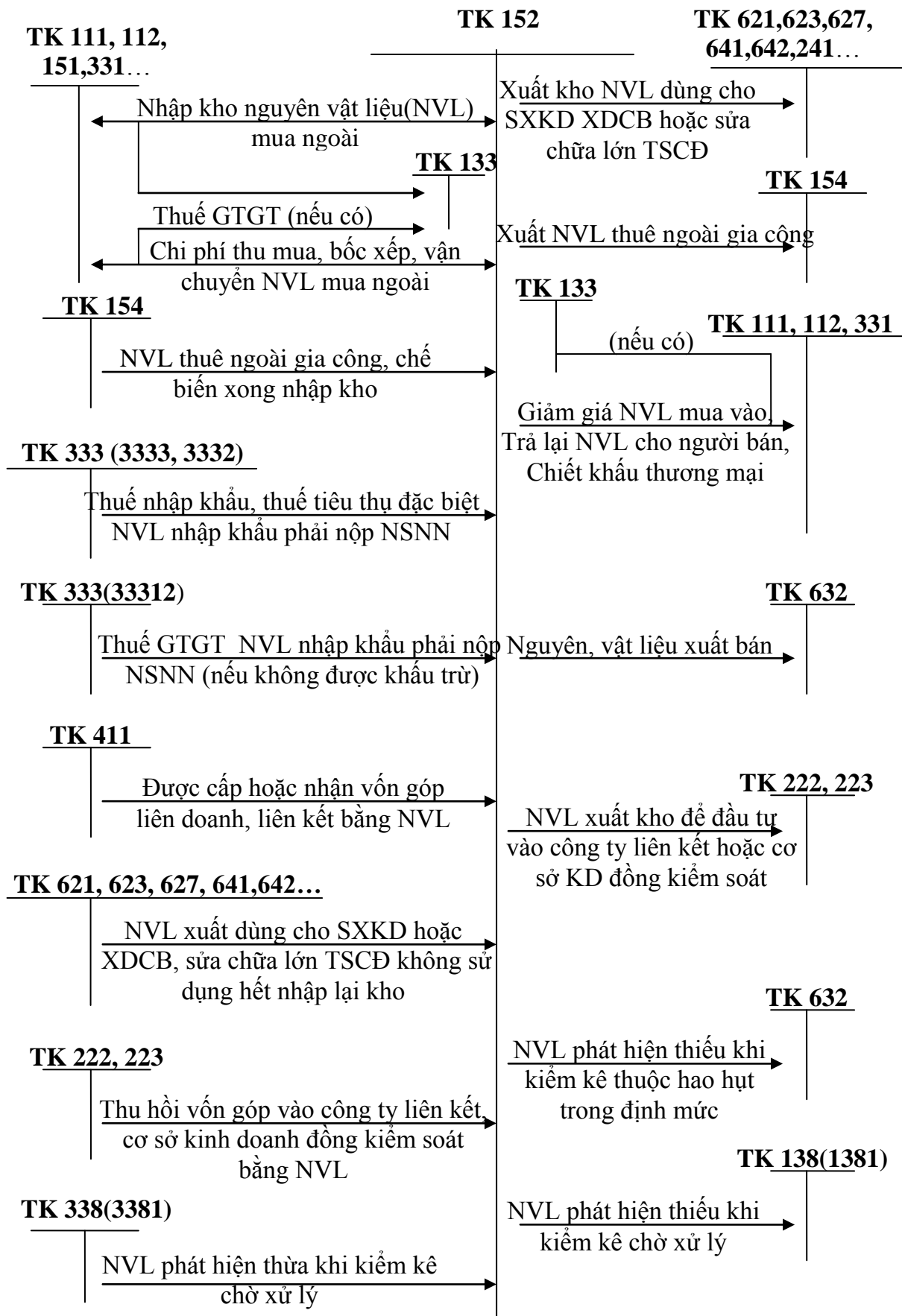
Bên nợ: phản ánh giá trị vật tư hàng hóa đã mua đang đi đường tăng thêm trong kỳ.

Bên có: phản ánh giá trị hàng đi đường kỳ trước đã nhập kho hay đã chuyển giao cho các bộ phận sử dụng hoặc giao cho khách hàng.

Dư nợ: phản ánh giá trị hàng mua đã thuộc sở hữu của doanh nghiệp đang đi trên đường (đầu kỳ hoặc cuối kỳ).

1.3.2.1.2. Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KCTX

Hạch toán tăng giảm, kết quả kiểm kê nguyên vật liệu được mô tả trong sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.4: Hạch toán tổng hợp NVL theo phương pháp KCTX

1.3.2.2 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.3.2.2.1. Tài khoản sử dụng

Hạch toán tổng hợp NVL theo **phương pháp kiểm kê định kỳ** là phương pháp không theo dõi thường xuyên liên tục tình hình nhập, xuất hàng tồn kho trên các TK hàng tồn kho mà chỉ theo dõi phản ánh giá trị hàng tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ căn cứ vào số liệu KKĐK hàng tồn kho.

Mặc dù phương pháp này tiết kiệm được công sức ghi chép nhưng độ chính xác không cao và nó chỉ thích hợp với đơn vị kinh doanh những chủng loại vật tư khác nhau, giá trị thấp, thường xuyên xuất dùng, xuất bán.

$$\text{Trị giá NVL xuất trong kỳ} = \text{Trị giá NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá NVL nhập trong kỳ} - \text{Trị giá NVL tồn cuối kỳ}$$

Tài Khoản 611- Mua hàng: TK 611 dùng để theo dõi tình hình tăng, giảm vật liệu theo giá thực tế (giá mua và chi phí mua)

- Kết cấu TK 611:
 - ✓ Bên nợ: phản ánh giá thực tế NVL tồn kho đầu kỳ và giá TT NVL tăng trong kỳ.
 - ✓ Bên có: phản ánh giá thực tế NVL giảm trong kỳ và giá TT NVL tồn cuối kỳ.

TK này không có số dư.

Các TK cấp 2 của TK 611:

TK 6111- Mua nguyên vật liệu

TK 6112- Mua hàng hóa

Tài khoản 152- Nguyên vật liệu:

TK 152 dùng để phản ánh thực tế NVL tồn kho, chi tiết theo từng loại.

- Kết cấu TK 152:
 - ✓ Bên nợ: phản ánh giá thực tế NVL tồn kho cuối kỳ.
 - ✓ Bên có: phản ánh giá thực tế NVL tồn đầu kỳ.

Dư nợ: giá thực tế vật liệu tồn kho.

Tài Khoản 151- Hàng mua đang đi đường

Tài khoản này được sử dụng để phản ánh giá trị nguyên vật liệu mà doanh nghiệp đã mua (đã thuộc sở hữu của doanh nghiệp) nhưng đang đi đường hoặc đang ký gửi ở kho người bán, cuối kỳ vẫn chưa kiểm nhận nhập kho hay bán

giao cho các bộ phận sử dụng. TK này được mở chi tiết cho từng lô hàng hay từng người bán, từng hóa đơn....

- Kết cấu của TK 151:
 - ✓ Bên nợ: phản ánh giá thực tế hàng mua đang đi đường cuối kỳ.
 - ✓ Bên có: phản ánh giá thực tế hàng mua đang đi đường đầu kỳ.
 - ✓ Dư nợ: giá thực tế hàng mua đang đi đường.

Ngoài các TK trên kế toán nguyên vật liệu còn sử dụng các tài khoản khác như:

TK 331- Phải trả người bán

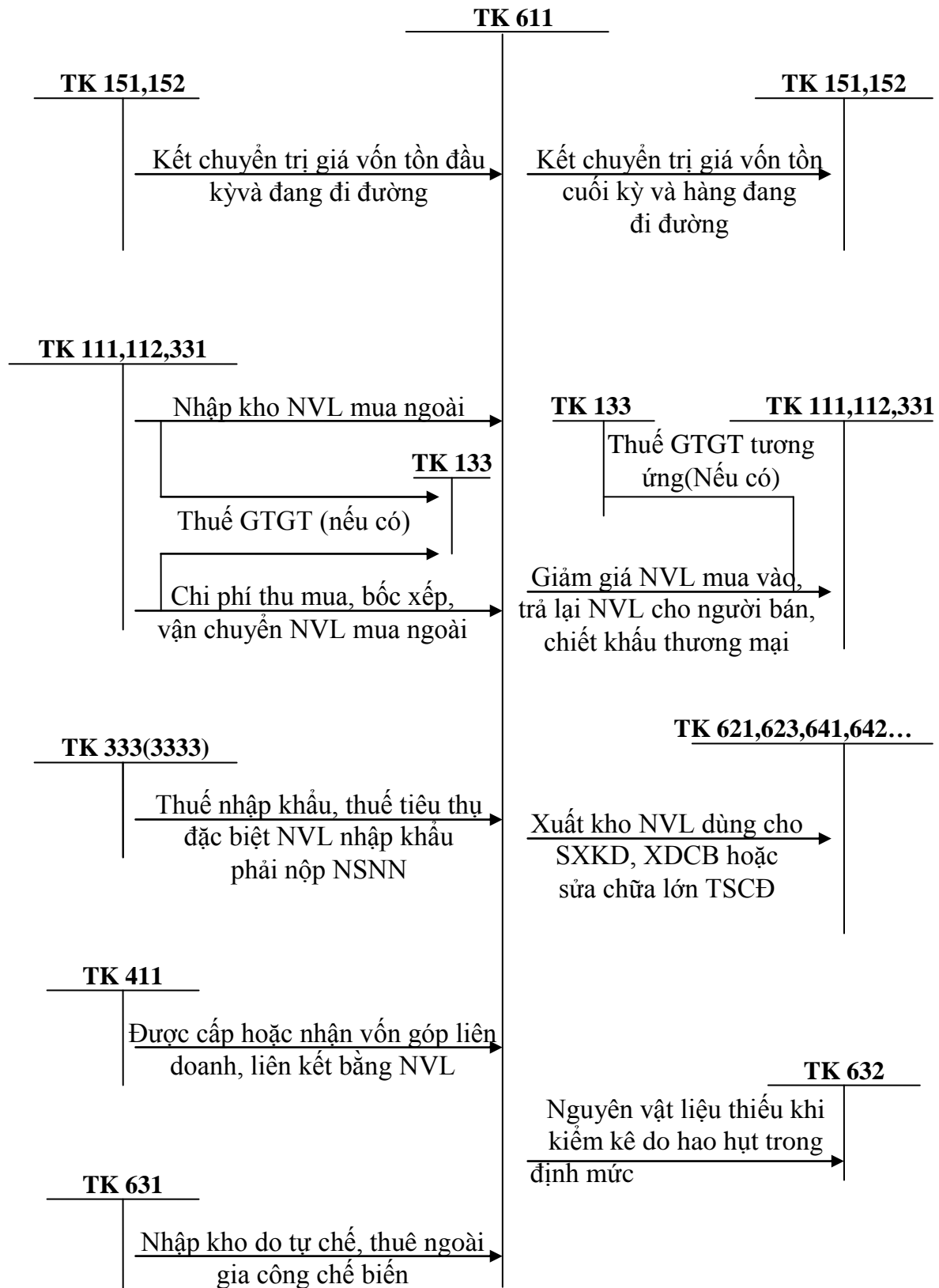
TK 311- Vay ngắn hạn

TK 111- Tiền mặt

TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ

1.3.2.2.2 Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp KKĐK

Hạch toán tăng giảm, kết quả kiểm kê nguyên vật liệu được mô tả trong sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.5: Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp KKĐK

* Cuối kỳ kế toán, nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của nguyên vật liệu nhỏ hơn giá gốc thì doanh nghiệp phải tiến hành lập dự phòng giảm giá cho số vật liệu đó.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu phải tiến hành cho từng danh điểm vật tư, sau đó tổng hợp lại ra tổng số dự phòng cần lập.

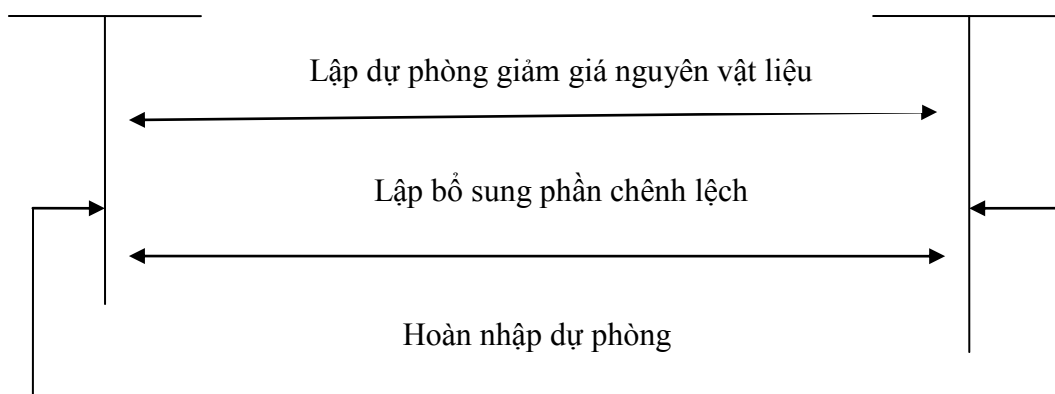
Xác định dự phòng và hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá VLi} = \text{Số lượng tồn kho VL} \times \text{Giá trị VL trên sổ kế toán} - \text{Giá thực tế VL trên thị trường}$$

Tổng số dự phòng cần lập = Tổng mức dự phòng giảm giá VLi

TK 159

TK 632



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ lập dự phòng giảm giá NVL

1.4. Tổ chức sổ kế toán NVL tại các doanh nghiệp

1.4.1. Hình thức nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

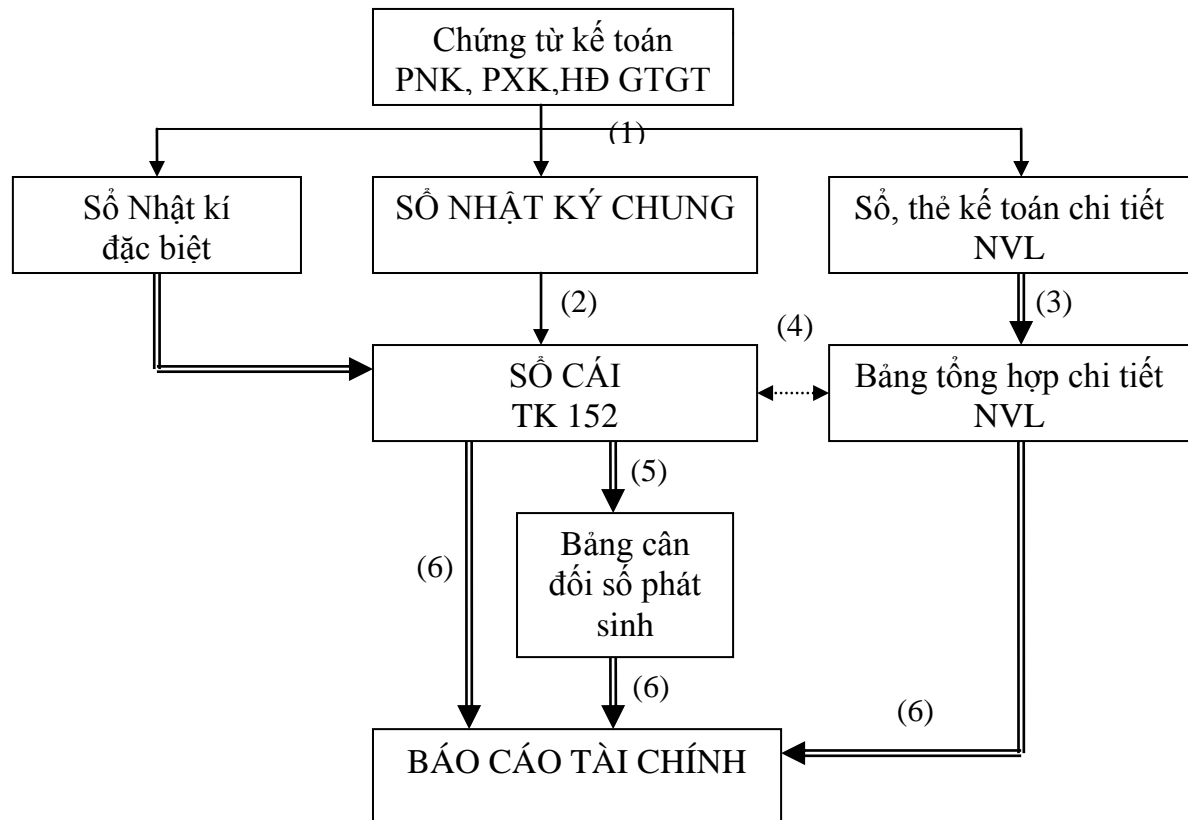
Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Hệ thống sổ sách liên quan đến nguyên vật liệu bao gồm những mẫu sau:

- Sổ (thẻ kho) (mẫu S12- DN) - Sổ Nhật ký chung (mẫu S03a-DN)
- Sổ chi tiết vật tư (mẫu S13- DN) - Sổ cái tài khoản (mẫu S03b-DN)

Hình thức kế toán nhật ký chung được công ty áp dụng theo trình tự sau đây:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng hoặc định kì \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

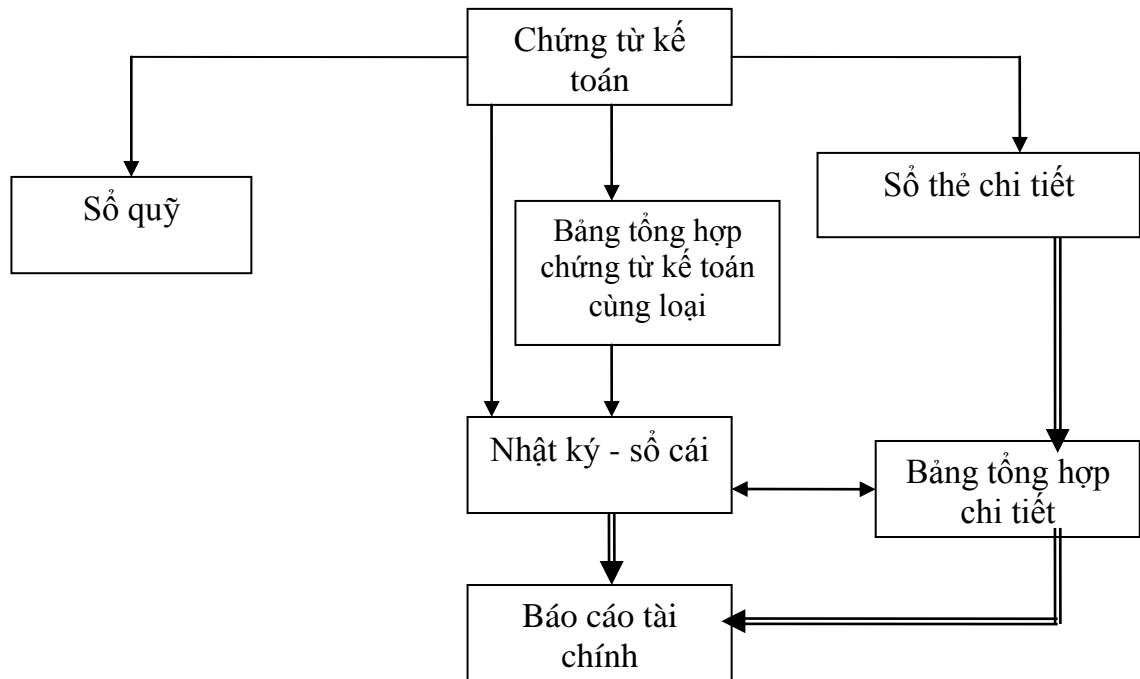
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

1.4.2. Hình thức Nhật ký – Sổ Cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký – Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký – Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết



Ghi chú:
 → Ghi hàng ngày
 ==> Ghi cuối tháng
 <--> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký-sổ cái

1.4.3 Hình thức Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

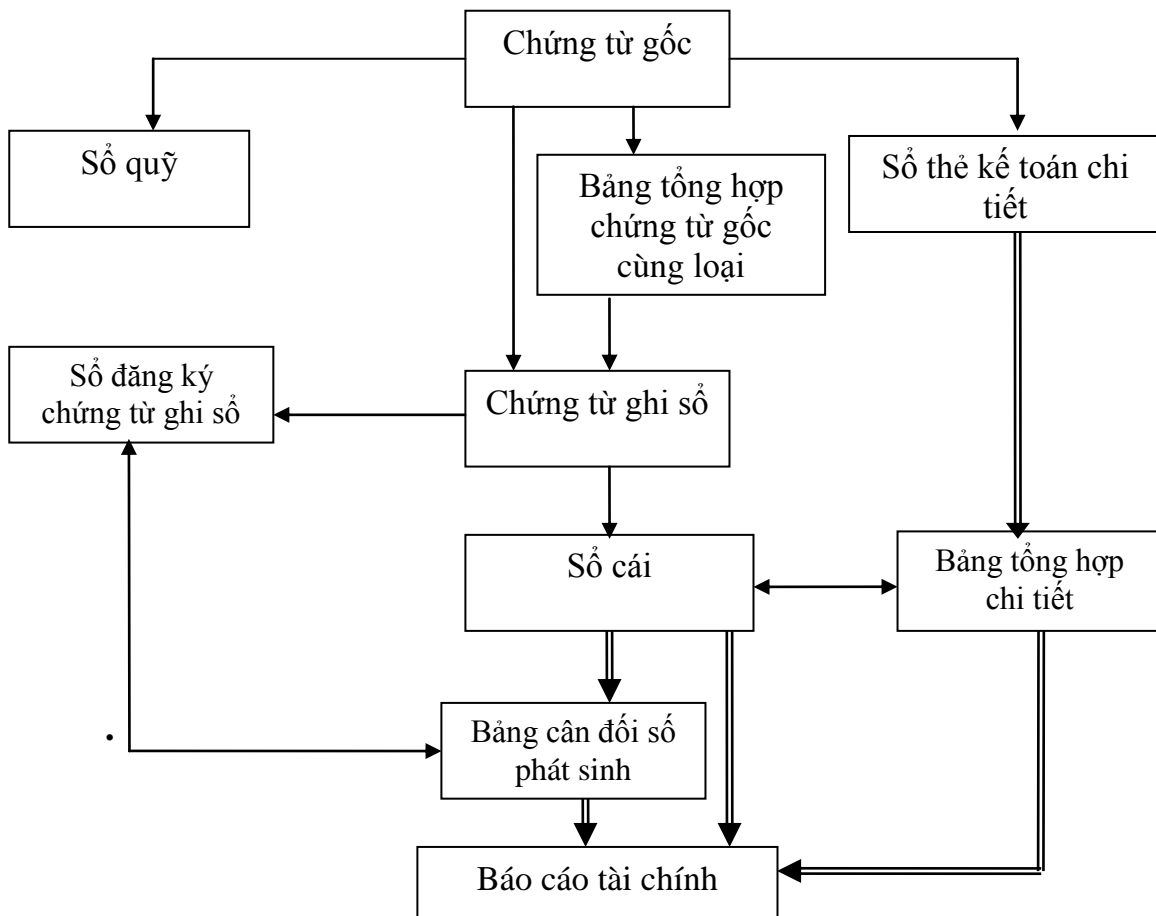
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (Theo số thứ tự trong sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đi kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán như sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ

- Sổ Cái
- Các sổ thẻ kế toán chi tiết



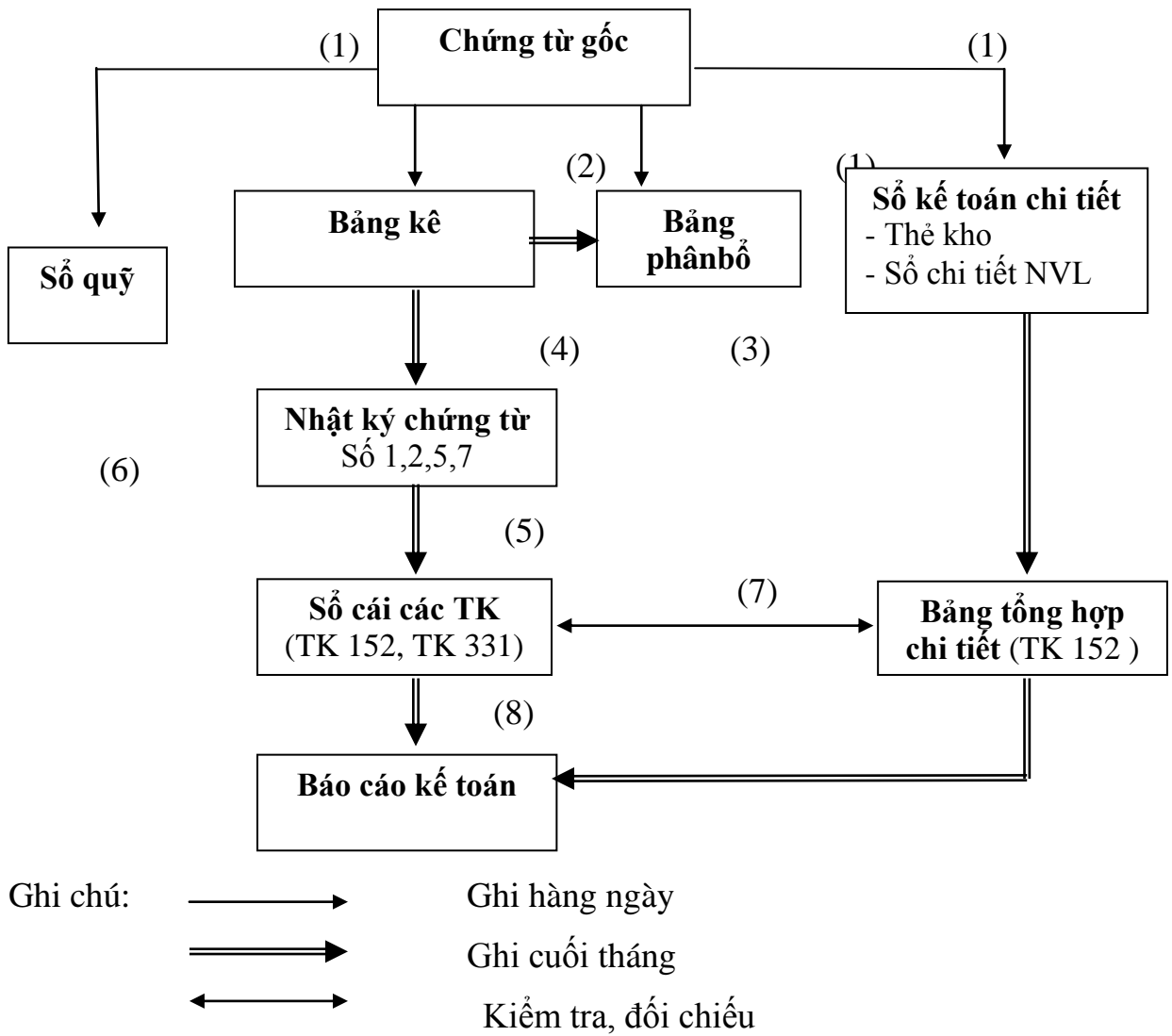
- Ghi chú:
- Ghi hàng ngày
 - ==> Ghi cuối tháng
 - ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ

1.4.4 Hình thức Nhật ký – Chứng từ

Đây là hình thức kế toán xác định chặt chẽ giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, đảm bảo tiến hành thường xuyên trong các khâu trong tất cả các phần kế toán, đảm bảo phục vụ đầy đủ, kịp thời cho nhu cầu quản lý của công ty gồm có:

- Các loại sổ thẻ kế toán chi tiết (vật liệu, thành phẩm, TSCĐ, CCDC...)
- Sổ nhật ký chứng từ
- Sổ cái các tài khoản
- Bảng kê, bảng phân bổ
- Sổ quỹ
- Bảng tổng hợp chi tiết



Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chứng từ

PHẦN II: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TUYỂN THAN HÒN GAI

2.1. Tổng quan chung về công ty Tuyển than Hòn Gai

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty Tuyển than Hòn Gai

Tên công ty: Công ty Tuyển than Hòn Gai

Hình thức hoạt động: Công ty Tuyển than Hòn Gai là doanh nghiệp nhà nước, đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc của tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, hoạt động theo luật doanh nghiệp nhà nước, các quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty tuyển than Hòn Gai.

Tên giao dịch quốc tế của công ty: Hon Gai Coal Preparation Company.

Văn phòng của công ty: Trụ sở của công ty đặt tại: Số 46, Đoàn Thị Điểm, Phường Bạch Đằng, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

Khu sản xuất đặt tại Nam Cầu Trắng – cách trụ sở chính văn phòng công ty 8 Km. Nơi có đặt một nhà máy tuyển than công nghệ hiện đại Austraylia với công suất 2,5 triệu tấn năm, do Australia giúp đỡ xây dựng.

Vốn điều lệ: 188.713.000.000 đồng.

Giấy phép KD: 5701300233

Điện thoại: 033.825329 Fax: 033.825324

Email: tuyenthanhongai@tuyenthanhongai.com.vn

Website: tuyenthanhongai.com.vn

Dưới đây là một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh trong 2 năm trở lại đây:

Bảng 2.1: Một số chỉ tiêu kinh doanh của công ty Tuyển than Hòn Gai trong 2 năm gần đây (2011,2012)

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2012 so với năm 2011	
				Chênh lệch	Tỷ lệ
A	B	1	2	3	4
Tổng tài sản:	VND	795.016.008.425	562.244.458.363	(232.771.550.062)	(29,28)
- Tài sản ngắn hạn	VND	404.693.244.963	293.474.323.722	(111.218.921.241)	(27,48)
Trong đó: Các khoản phải thu	VND	208.908.219.587	82.435.037.154	(126.473.182.433)	(60,54)
- Tài sản dài hạn	VND	390.322.763.462	268.770.134.641	(121.552.628.821)	(31,14)
Trong đó: Tài sản cố định	VND	390.322.763.462	268.770.134.641	(121.552.628.821)	(31,14)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VND	2.025.573.544.667	2.277.400.807.028	251.827.262.361	12,43
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VND	2.025.573.544.667	2.277.400.807.028	251.827.262.361	12,43
Giá vốn hàng bán	VND	1.861.275.373.251	2.094.966.550.894	233.691.177.643	12,56
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VND	164.298.171.416	182.434.256.134	18.136.084.718	11,04
Doanh thu hoạt động tài chính	VND	2.621.506.822	4.212.933.053	1.591.426.231	60,71
Chi phí tài chính	VND	19.985.182.029	35.095.837.896	15.110.655.867	75,61
Lợi nhuận hoạt động tài chính	VND	(17.363.675.207)	(30.882.904.843)	(13.519.229.636)	77,86
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	VND	45.645.417.545	44.398.471.457	(1.246.946.088)	(2,73)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	VND	48.876.915.370	53.930.572.603	5.053.657.233	10,34
Tiền lương công nhân bình quân (đ/ng/tháng)		5.700.000	6.800.000	1.100.000	19,30
Sản lượng than sạch sàng tuyển	Tấn	3.113.000	3.170.000	57.000	1,83

Nguồn: báo cáo tài chính của Công ty năm 2011, 2012

Nhìn vào bảng trên ta nhận thấy tình hình sản xuất kinh doanh của công ty tuyển than Hòn Gai trong hai năm trở lại đây.

Tổng tài sản năm 2012 giảm so với năm 2011 là hơn 232,771 tỷ đồng tương đương giảm 29,28%. Trong đó tài sản ngắn hạn giảm 27,48%, tài sản dài hạn giảm 31,14%. Điều này là do các khoản phải thu năm 2012 giảm so với năm 2011 là hơn 126,473 tỷ đồng tương đương giảm 60,54% và tài sản cố định giảm hơn 121,552 tỷ đồng tương đương giảm 31,14%.

Trong các năm trở lại đây công ty không ngừng cải tiến công nghệ sàng tuyển, nâng cao sản lượng sàng tuyển than tại nhà máy tuyển than Nam Cầu Trắng.

Sản lượng than sạch từ năm 2011 đến năm 2012 tăng từ 3,113 triệu tấn lên 3,17 triệu tấn tăng 1,8%. Cùng với việc nâng cao sản lượng sàng tuyển than sạch, nâng cao chất lượng than thành phẩm là công tác tìm kiếm thị trường, công ty không ngừng khai thác thị trường nội địa với việc cung cấp than cho nhà máy nhiệt điện, xi măng, các bạn hàng cũ, Công ty còn mở rộng ra thị trường nước ngoài: Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Indonexia, ... với việc các tàu trọng tải lớn hàng chục ngàn tấn của nước ngoài vào ăn than tại cảng Nam Cầu Trắng.

Những cố gắng trên đã đưa doanh thu tiêu thụ của công ty năm sau vượt năm trước: từ khoảng 2.025 tỷ đồng(2011) lên khoảng 2.277 tỷ đồng (2012) tăng 12,43%; đồng thời mức thu nhập bình quân của công nhân ngày càng ổn định và tăng cao: năm 2011 là 5,7 triệu/người/tháng lên 6,8 triệu/người/ tháng năm 2012 tăng 1,1 triệu đồng.

Giá vốn hàng bán năm 2012 là gần 2.095 tỷ đồng tăng cao hơn nhiều so với năm 2011 là hơn 1.861 tỷ đồng tăng 12,56 % tương đương tăng hơn 233 tỷ đồng.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD năm 2012 so với năm 2011 giảm 1.246.946.088 đồng tương đương giảm 2,73% là do hoạt động tài chính của doanh nghiệp năm 2012 bị lỗ nhiều hơn so với năm 2011 là hơn 13,519 đồng. Điều này cho thấy hoạt động tài chính của công ty chưa đem lại lợi nhuận.

Nhìn vào bảng ta thấy lợi nhuận của năm 2012 là hơn 53 tỷ đồng cao hơn so với năm 2011 là hơn 48 tỷ đồng tăng 10,34% tương đương tăng trên 5,05 tỷ đồng. Điều đó đã cho thấy sự cố gắng của công ty trong giai đoạn nền kinh tế Việt Nam đang đứng trước rất nhiều khó khăn do khủng hoảng kinh tế.

2.1.2. Đặc điểm tổ chức kinh doanh

2.1.2.1. Sản phẩm kinh doanh và nhiệm vụ kinh doanh

Công ty hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận, đảm bảo lợi ích của chủ sở hữu, của công ty và người lao động. Ngành nghề kinh doanh của công ty gồm:

- Sàng tuyển, chế biến và kinh doanh than (ngành nghề chính)
- Vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy
- Dịch vụ vận tải, bốc xếp than và các cảng lẻ
- Sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng các công trình công nghiệp và dân

dụng

- Kinh doanh dịch vụ, du lịch và thương mại tổng hợp

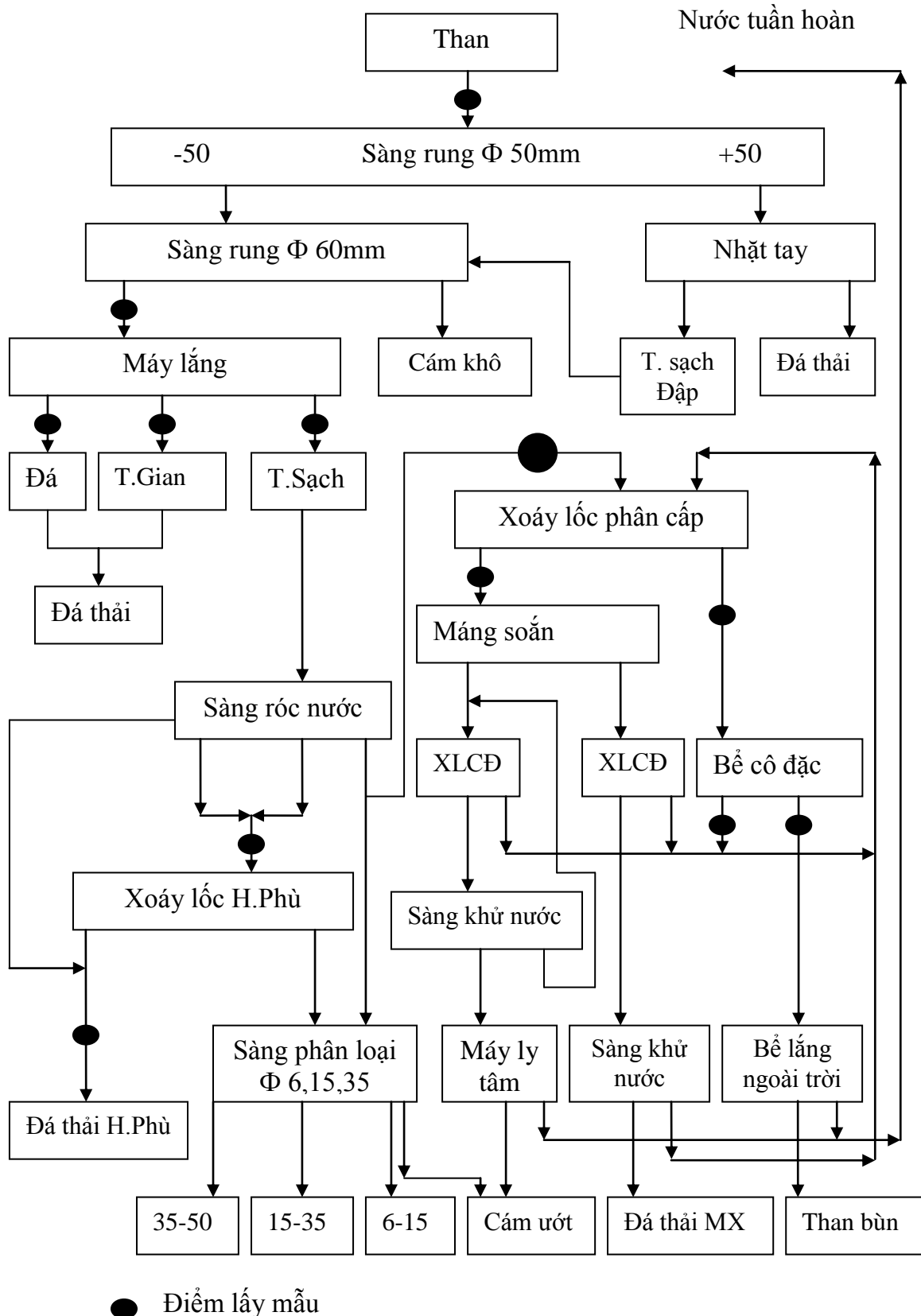
- Các ngành nghề kinh doanh khác phù hợp với năng lực của công ty được Nhà nước và Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) cho phép.

Công ty được phép tiến hành các hoạt động kinh doanh của mình trên phạm vi cả nước và cả ở nước ngoài theo phân cấp, uỷ quyền của Tập đoàn TKV và quy định của Pháp luật.

2.1.2.2. Đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất than

Công ty tuyển than Hòn Gai 15 năm trước, với lối tư duy mòn theo kiểu bao cấp của đội ngũ lãnh đạo cộng với nguồn than nguyên khai chưa ổn định; nguồn nước công nghiệp để tuyển rửa than phụ thuộc vào nguồn nước kinh doanh của thành phố Hạ Long, công nghệ lạc hậu, manh mún... là nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự trì trệ trong sản xuất kinh doanh của công ty. Nhưng cán bộ lãnh đạo công ty đã kiên định vượt qua khó khăn gian khổ, đưa công ty thoát khỏi tình trạng đó bằng cách đổi mới công nghệ đào tạo lại đội ngũ cán bộ kỹ thuật một cách bài bản theo hướng chuẩn hoá, chuyên nghiệp. Với hai hệ thống sàng lọc được lắp, đã nâng công suất máy lên 220 tấn/ giờ. Không dừng lại đó công ty tiếp tục phấn đấu, xây dựng hàng loạt công trình phục vụ sản xuất, đầu tư cải tiến công nghệ, hệ thống huyền phù để khử tạp chất trong than, nâng chất lượng than sạch đạt trên 95%, lắp đặt hệ thống đập bụi nhằm hạn chế lượng bụi khuếch tán trong không trung, thiết bị cấp rót than hiện đại đảm bảo phẩm cấp than, quy hoạch lại kho than có tường bao quanh tránh than trôi.

Dưới đây là sơ đồ:



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ quy trình sản xuất công nghệ sản phẩm

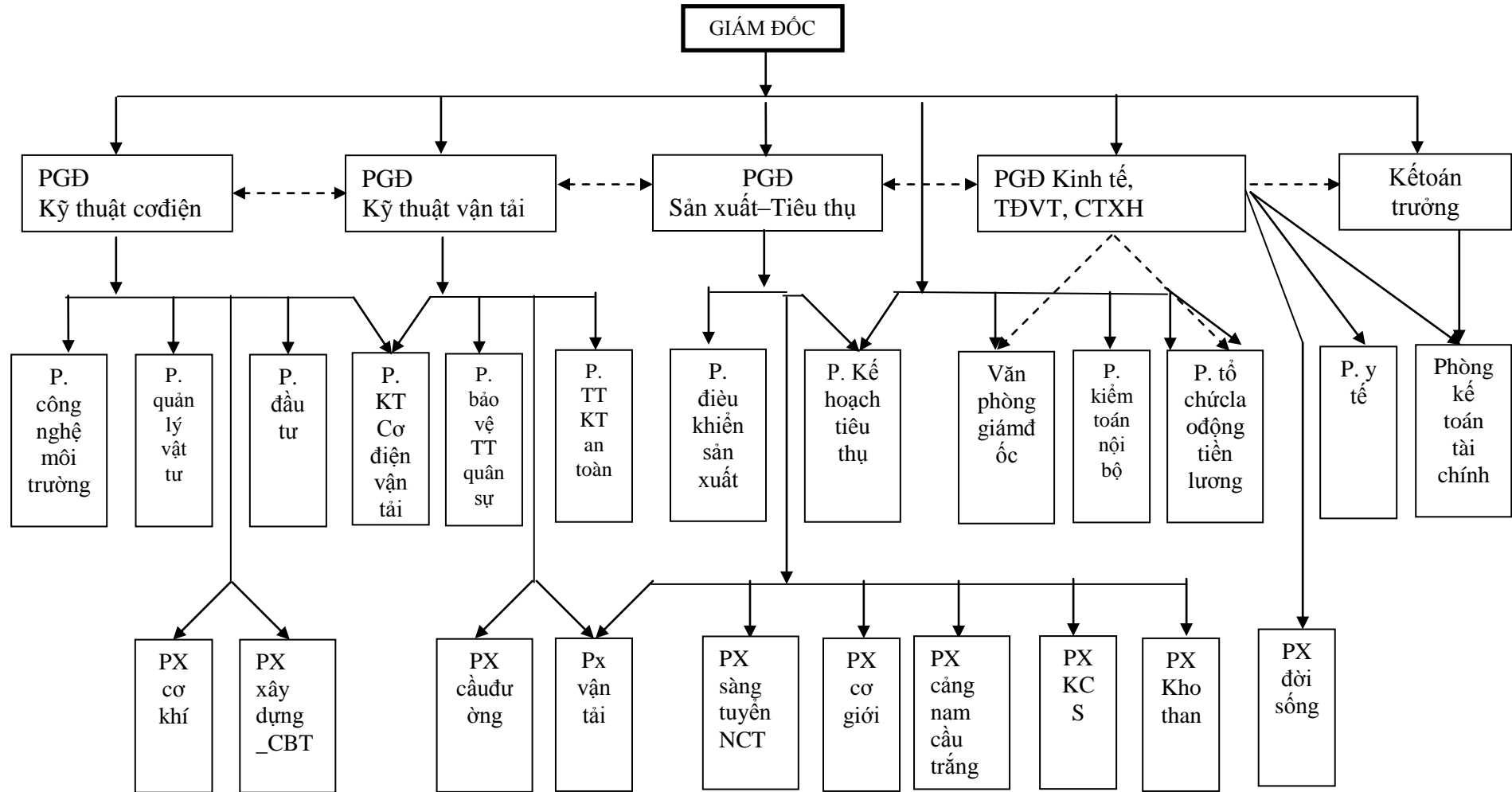
Theo nguồn: phòng kế toán công ty Tuyển than Hòn Gai

2.1.2.3. Đặc điểm thị trường kinh doanh

Công ty tuyển than Hòn Gai là một trong 17 công ty trực thuộc tập Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, than có chất lượng tốt vào bậc nhất trên thế giới, cùng với quy trình công nghệ tiên tiến, sản lượng khai thác lớn. Thị trường kinh doanh tiêu thụ than của công ty không chỉ bó hẹp trong phạm vi trong nước mà còn vươn ra thị trường nước ngoài như Trung Quốc, Nhật Bản, Đài Loan.... Vị thế thương hiệu “tuyển than Hòn Gai ” đã được khẳng định bằng sản phẩm than thương phẩm các loại, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu thị trường khó tính trong và ngoài nước. Từng bước mở rộng quan hệ với bạn hàng, tuyển than Hòn Gai đã mời lãnh đạo các công ty than Hà Tu, Hà Lâm, Núi Béo, Hòn Gai để ký kết hợp đồng mua than nguyên khai với phương thức hợp lý.

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

Công ty tuyển than Hòn Gai là một công ty quốc doanh, hạch toán phụ thuộc tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Để có hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh công ty đã tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức “trực tuyến chức năng” và được thể hiện qua sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty tuyển than Hòn Gai

Nguồn: Phòng kế toán công ty tuyển than Hòn Gai

Ban giám đốc của công ty tuyển than Hòn Gai bao gồm: Một giám đốc và bốn phó giám đốc:

Giám đốc: là người đứng đầu công ty, có chức năng, nhiệm vụ là người trực tiếp điều hành mọi hoạt động của công ty theo đúng điều lệ, nghị quyết của công ty đã đề ra. Điều hành bộ máy dưới quyền chỉ đạo thực hiện phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục, an toàn và hiệu quả. Trực tiếp điều hành việc tiêu thụ sản phẩm, tìm kiếm, mở rộng thị trường. Tổ chức thực hiện ký kết hợp đồng kinh tế với các đơn đặt hàng, chịu trách nhiệm chính về toàn bộ kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Phó giám đốc các bộ phận: Là những người giúp việc cho giám đốc về công tác kinh doanh điều hành sản xuất, có trách nhiệm giải quyết các vấn đề mà giám đốc uỷ quyền có trách nhiệm và quyền hạn với chức năng nhiệm vụ, công việc được giao, thường xuyên báo cáo công việc với giám đốc và xin ý kiến giải quyết những vấn đề cần thiết. Tư vấn giúp giám đốc trong công tác điều hành sản xuất của công ty.

Một số phòng chủ yếu trong hệ thống các phòng ban của công ty.

Phòng tổ chức, lao động, tiền lương: Có chức năng sắp xếp lực lượng lao động, tuyển mới, thanh toán nghỉ chế độ cho những người lao động đến tuổi hưởng chế độ hưu trí, mất sức lao động, soạn thảo, ban hành các nội quy, quy chế về tuyển dụng lao động, ra các quyết định về tuyển dụng, nghỉ chế độ, sắp xếp nâng bậc lương cho cán bộ công nhân viên. Lập các kế hoạch về đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ quản lý cho đội ngũ cán bộ các phòng ban.

Phòng Kế toán, thống kê, tài chính: Có nhiệm vụ ghi chép, phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời các hoạt động kinh tế phát sinh hàng ngày của doanh nghiệp trên các chứng từ, sổ sách theo chuẩn mực kế toán. Lập kế hoạch tài chính, thu thập số liệu về tình hình cơ sở sản xuất kinh doanh phục vụ cho việc lập báo cáo kế toán và làm cơ sở để lập kế hoạch cho kỳ sau. Kiểm tra việc thực hiện sử dụng vật tư định mức từng loại vật tư, tiền vốn đảm bảo sử dụng vật tư tiền vốn một cách hợp lý tiết kiệm mạng lại hiệu quả kinh tế cao. Lập và phân tích đánh giá các báo cáo tài chính làm cơ sở để ban giám đốc chỉ đạo theo đúng mục tiêu phương châm nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế. Tập hợp các chi phí tính giá thành sản phẩm, thực hiện việc nộp nghĩa vụ đối với nhà nước. Kết chuyển chi phí tính lãi, lập kế hoạch gây quỹ phát triển sản xuất và tính lãi cho cổ đông.

Phòng quản lý vật tư: Hàng tháng, quý, năm lập kế hoạch về cung ứng vật tư cho việc sản xuất, sàng tuyển, tìm nguồn hàng để cung ứng vật tư kịp thời đạt chất lượng hiệu quả cao, quản lý kho hàng vật tư, thành phẩm hàng tháng, quý quyết toán vật tư với các bộ phận khác. Báo cáo giám đốc về tình hình vật tư, hàng hoá, thành phẩm.

Phòng kỹ thuật cơ điện vận tải: Chịu sự chỉ đạo của phó giám đốc kỹ thuật, quản lý thiết bị máy móc lập kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng đại tu các loại máy móc thiết bị, ô tô... phục vụ cho hoạt động của công ty. Kiểm tra việc thực hiện quy trình, quy phạm kỹ thuật đối với thiết bị ở các đơn vị sản xuất, tham gia xây dựng năng suất các loại thiết bị và định mức tiêu hao nhiên liệu, vật liệu khoán cho các đơn vị khai thác vận tải và theo dõi việc thực hiện công tác đó. Phải quan tâm đến vấn đề đổi mới công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm, đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn kỹ thuật, giám sát chặt chẽ từng khâu trong việc sàng than cho ra sản phẩm than sạch đúng phẩm cấp chất lượng, kiểm tra giám sát quá trình sàng lọc than, tham gia nghiệm thu kỹ thuật sản lượng sàng than, phân loại sản phẩm, bảo quản theo đúng tiêu chuẩn chất lượng đã đề ra.

Phòng bảo vệ quân sự: Tham mưu giúp việc cho cấp uỷ, giám đốc về công tác bảo vệ tài sản, an ninh quốc phòng trong phạm vi quản lý của công ty. Thực hiện kế hoạch bảo vệ sản xuất, bảo vệ tài nguyên theo chỉ đạo của tập đoàn than và cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chống các hiện tượng tiêu cực, phát hiện các trường hợp vi phạm nội quy, quy chế của công ty.

Phòng điều khiển sản xuất: Là trung tâm điều hành sản xuất và tổ chức tiêu thụ sản phẩm của xí nghiệp, triển khai lệnh sản xuất và điều động xe, máy phục vụ cho các đơn vị trong công ty.

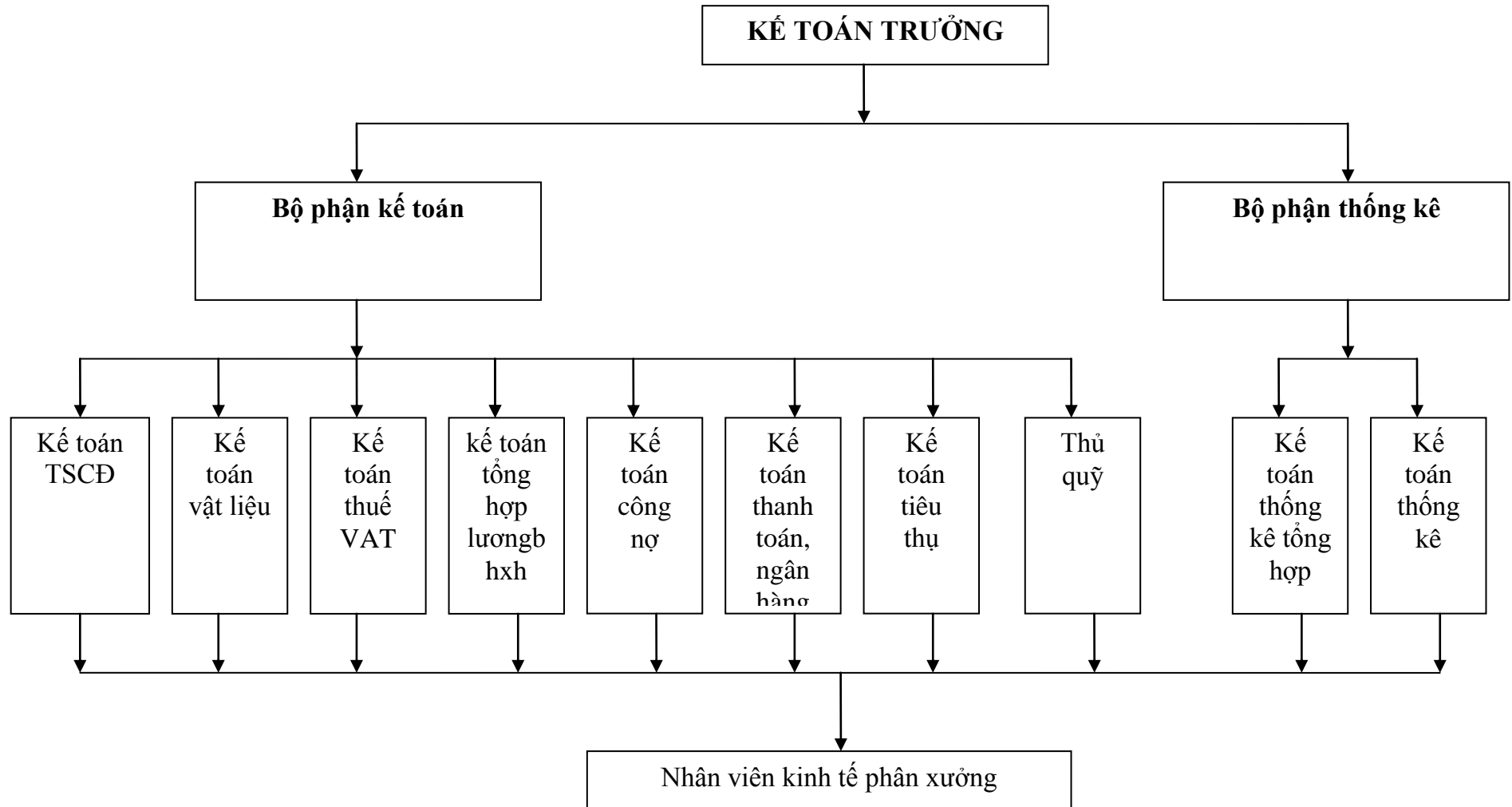
Các phân xưởng: Mỗi phân xưởng có nhiệm vụ chức năng riêng của mình, nhưng đều nằm trong sự chỉ đạo thống nhất từ ban giám đốc để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty diễn ra thuận lợi.

2.1.4. Đặc điểm bộ máy kế toán và công tác kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung và đứng đầu là kế toán trưởng sau đó là nhân viên kế toán tổng hợp và kế toán phân xưởng... Theo hình thức này, công ty tổ chức một phòng kế toán duy nhất làm nhiệm vụ hạch toán chi tiết và hạch toán tổng hợp.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty tuyển than Hòn Gai



Nguồn: Phòng kế toán công ty tuyển than Hòn Gai

- **Kế toán trưởng của công ty:**

Lãnh đạo trực tiếp về mặt nghiệp vụ của toàn bộ kế toán Công ty. Kế toán trưởng có nhiệm vụ chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra toàn bộ công tác kế toán trong Công ty; giúp Giám đốc chấp hành các chế độ về quản lý và sử dụng tài sản, chấp hành kỷ luật về lao động, về sử dụng quỹ tiền lương, quỹ phúc lợi cũng như việc chấp hành các kỷ luật tài chính, tín dụng thanh toán. Ngoài ra, Kế toán trưởng còn giúp Giám đốc tập hợp các số liệu kinh tế, tổ chức phân tích các hoạt động kinh doanh, phát hiện ra các khả năng tiềm tàng, thúc đẩy việc thực hiện các chế độ hạch toán kế toán trong công tác bảo đảm cho hoạt động của Công ty thu được hiệu quả.

- **Kế toán tài sản cố định, giá thành:**

Là chuyên viên giúp lãnh đạo phòng theo dõi, quản lý vốn, tài sản cố định, chi phí và quản lý giá thành. Có nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, đối chiếu và định kỳ phân tích tình hình thực hiện các định mức chi phí đối với chi phí trực tiếp, chi phí chung, chi phí quản lý doanh nghiệp; đề xuất các biện pháp tăng cường quản lý và tiết kiệm chi phí sản xuất; định kỳ lập báo cáo sản xuất kinh doanh theo đúng chế độ và đúng thời hạn; tổ chức kiểm tra đánh giá sản phẩm dở và tính giá thành sản phẩm.

- **Kế toán nguyên vật liệu:**

Là chuyên viên giúp lãnh đạo phòng quản lý, theo dõi, thanh quyết toán chi phí vật liệu và công cụ lao động nhỏ. Có nhiệm vụ quản lý tình hình sử dụng nguyên vật liệu. Căn cứ vào các bản thiết kế cho từng công trường và bảng bóc tách khối lượng vật tư, kế toán quản lý việc cung ứng nguyên vật liệu cho từng công trường.

- **Kế toán thuế GTGT:**

Là chuyên viên giúp lãnh đạo phòng quản lý, theo dõi, thanh quyết toán thuế GTGT.

- **Kế toán tổng hợp lương và BHXH:**

Là chuyên viên giúp lãnh đạo phòng quản lý, theo dõi, thanh quyết toán tiền lương, BHXH, BHYT và KPCĐ cho CNVC và các tổ chức xã hội. Cuối mỗi quý làm bảng phân bổ tiền lương, BHXH, BHYT, KPCĐ phục vụ công tác lập báo cáo tài chính của đơn vị.

- **Kế toán công nợ:**

Là chuyên viên giúp lãnh đạo phòng quản lý, theo dõi, các khoản công nợ

(phải trả và tạm ứng).

- **Kế toán thanh toán, kế toán ngân hàng:**

Là chuyên viên giúp lãnh đạo phòng quản lý, theo dõi và thực hiện các khoản thanh toán tài chính.

- **Kế toán tiêu thụ:**

Là chuyên viên giúp lãnh đạo phòng quản lý, theo dõi việc tiêu thụ sản phẩm và xác định doanh thu tiêu thụ.

- **Thủ quỹ:**

Là chuyên viên thừa hành nghiệp vụ, giúp lãnh đạo phòng đảm nhiệm công tác quản lý cấp phát quỹ tiền mặt.

- **Bộ phận thống kê:**

Có nhiệm vụ quản lý và sử dụng vốn, phản ánh, theo dõi một cách chính xác toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, phân tích, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và giúp Giám đốc chọn phương án sản xuất có hiệu quả nhất.

a.Kế toán thống kê tổng hợp:

Là chuyên viên giúp lãnh đạo phòng cập nhật, tổng hợp, phân tích số liệu thống kê. Có nhiệm vụ đôn đốc các nhân viên và xử lý các công việc theo yêu cầu của kế toán trưởng, lập kế hoạch tài chính, quản lý các đội sản xuất, phản ánh tổng hợp tình hình phát sinh các phần hành kế toán, xác định kết quả kinh doanh và lập báo cáo kế toán định kỳ theo quy định. Kế toán các phần hành có nhiệm vụ quản lý trực tiếp phản ánh thông tin kế toán, thực hiện sự kiểm tra thông qua việc ghi chép đối tượng phụ trách từ khâu ghi chép, đối chiếu, kiểm tra... đến khâu lập báo cáo các phần hành được giao; liên hệ với kế toán tổng hợp để hoàn thành việc ghi sổ tổng hợp và lập báo cáo kế toán chung.

b.Kế toán thống kê:

Là chuyên viên giúp lãnh đạo phòng cập nhật, tổng hợp, phân tích số liệu thống kê.

2.1.4.2. Tổ chức kế toán tại doanh nghiệp

Bộ máy Kế toán của công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện toàn bộ công tác Kế toán thống kê trong công ty, tham mưu cho Giám đốc công ty về lĩnh vực hoạt động tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh, chọn phương án sản xuất có hiệu quả nhất.

- Chế độ kế toán áp dụng: theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các quy định

của *chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành áp dụng cho Tập đoàn CN Than – KS VN* theo **QĐ 15/2006/QĐ-BTC**.

- Kỳ kế toán: bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12.

Báo cáo tài chính của công ty được lập vào thời điểm kết thúc các quý kinh doanh, và báo cáo tài chính năm khi kết thúc niên độ kế toán.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Hình thức sổ sách kế toán áp dụng: hình thức nhật ký chứng từ.

Hạch toán chi tiết NVL: phương pháp thẻ song song.

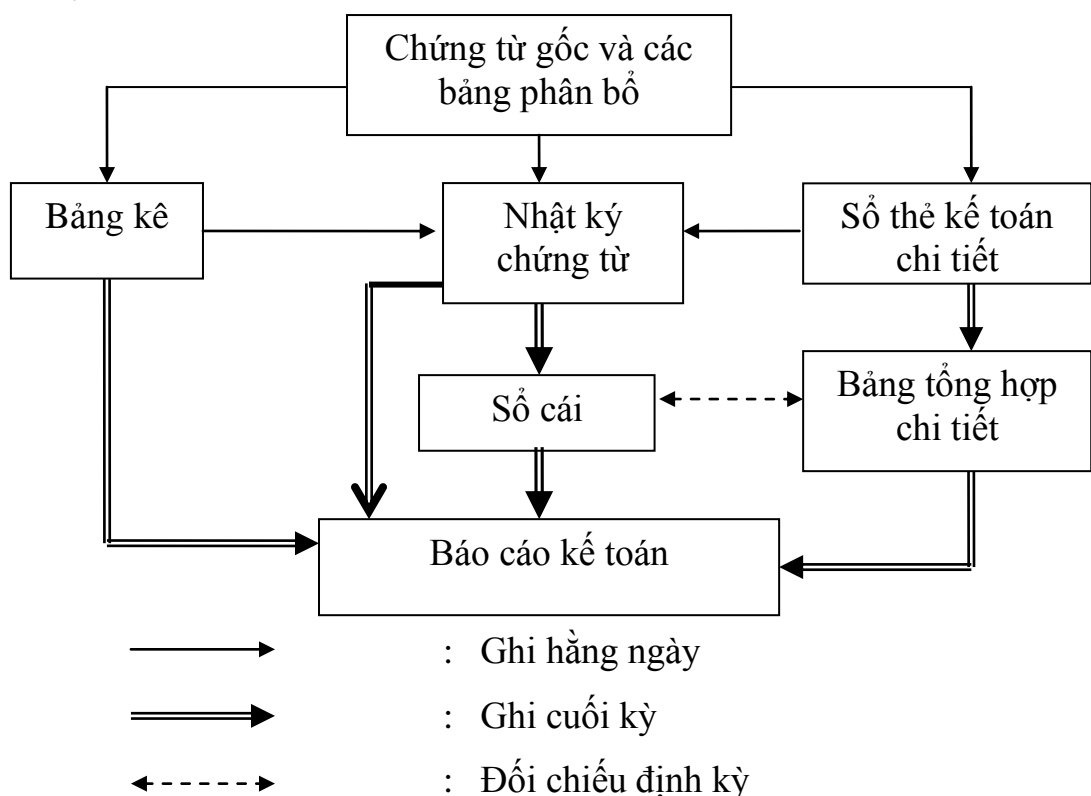
Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp khấu hao đường thẳng.

Đơn vị tiền tệ hạch toán: VNĐ

Giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh

- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức “Nhật ký chứng từ” được thể hiện ở sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chứng từ

Nguồn: Phòng kế toán công ty tuyển than Hòn Gai

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan. Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan.

Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái.

Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

2.2 Thực trạng kế toán NVL tại công ty tuyển than Hòn Gai

2.2.1 Đặc điểm NVL tại công ty Tuyển than Hòn Gai.

Nhìn chung, nguyên vật liệu ở công ty tuyển than Hòn Gai có khá nhiều chủng loại. Mỗi loại có vị trí, vai trò và tính năng lý hoá khác nhau. Để tổ chức tốt công tác quản lý, công tác kế toán, đảm bảo cho việc sử dụng nguyên vật liệu trong công tác quản lý, công tác kế toán, đảm bảo cho việc sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất có hiệu quả, nhà máy đã tiến hành phân loại nguyên vật liệu dựa trên nội dung kinh tế và chức năng của nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, bao gồm có 4 loại

-**Nguyên vật liệu chính**: Là vật liệu chính để sản xuất ra thành phẩm như : than nguyên khai..

- **Nhiên liệu** : Là vật liệu phụ phục vụ cho máy móc, phương tiện vận tải của công ty: Xăng, dầu, mỡ...

- **Phụ tùng thay thế** : Là các chi tiết phụ tùng của các loại máy móc thiết bị, ô tô mà công ty sử dụng thay thế của ô tô, máy móc thiết bị bị hư hỏng như : Lốp ô tô, vòng bi, phốt, gioăng phốt pittông, xi lanh...

- **Nguyên vật liệu phụ, vật liệu xây dựng** : Là những vật liệu khi tham gia vào sản xuất không cấu thành nên thực thể của sản phẩm mà có thể trong quá trình sản xuất làm thay đổi màu sắc hình dáng, kiểu cách của sản phẩm tạo điều kiện cho quá trình sản xuất được thực hiện bình thường; những vật liệu phục vụ cho lĩnh vực xây dựng: xi măng, sắt thép... hoặc văn phòng phẩm...

- **Phế liệu thu hồi** : ốc vít, bu lông .. hỏng được thu hồi.

Mỗi loại vật liệu có tính chất lý học và hoá học riêng hoặc chịu ảnh hưởng của khí hậu môi trường bên ngoài nên đòi hỏi phải có những biện pháp bảo quản dự trữ phù hợp như: Kim loại, phế liệu kim loại rất dễ rỉ nên phải được bảo quản trong kho; vòng bi, phốt pittông, phải để nơi khô ráo thoáng mát, tránh ẩm ướt, rơi vãi dễ mát mát. Còn đối với xăng, dầu rất dễ cháy phải có các thiết bị phòng cháy như bình cứu hoả. Hiện nay, việc bảo quản dự trữ nguyên vật liệu ở Kho của công ty được sắp xếp theo từng kho riêng. Tất cả có 5 kho:

- Kho kim khí: sắt, thép. ..
- Kho phụ tùng: Răng gầu, sãm, lốp xe, trục răng.....
- Kho nhiên liệu, hoá chất, vật liệu xây dựng: dầu ga doan, xăng, xi măng,.....
- Kho bảo hộ lao động
- Kho văn phòng phẩm và tạp liệu

Bảng 2.2: Sổ điểm danh vật tư

Danh điểm		Tên vật tư	Đvt	Mã vật tư
Nhóm	Danh điểm			
152.1		Nguyên vật liệu chính		
	152.1.01	Than nguyên khai loại I	Tấn	VLC01
	152.1.02	Than nguyên khai loại II	Tấn	VLC02
	152.1.03	Than nguyên khai loại III	Tấn	VLC03
152.3		Nhiên liệu		
	152.3.01	Dầu ga doan	Lít	NLN01
	152.3.02	Dầu diesel	Lít	NLN02
	152.3.03	Xăng A92	Lít	NLN03
152.4		Phụ tùng thay thế		
	152.4.01	Lốp ô tô	Cái	PTT05
	152.4.02	vòng bi	Cái	PTT06
	152.4.03	Gioăng phốt pittông	Cái	PTT07
	152.4.04	Băng tải B500x4x10	Mét	VT002
	152.4.05	Sàng đá 12,5x12,5mm	M2	VT010
	152.4.06	Lưới sàng đá 5x5 (3x1.53)m	Tấm	VT020
	152.4.07	Trục răng Z12	Cái	VT038
	152.4.08	Sàng lưới 33x33	Mét	VT039
	152.4.09	Gối đỡ sàng	Bộ	VT045
	152.4.10	Bánh tỳ DZ171	Quả	VT052
152.5		Nguyên vật liệu phụ và vật liệu xây dựng		
	152.5.01	Răng gầu EX 700	Cái	VT053
	152.5.02	Xi măng	Tấn	VL08
	152.5.03	Sắt Φ16	Kg	VL09
	152.5.04	Thép trắng	Kg	VL010
	152.5.05	Ống nhựa mềm 442	Mét	VL015
152.7		Vật liệu thu hồi		
	152.7.01	óc vít	Cái	PL020
	152.7.02	bu lông	Cái	PL021
	
	152.7.03	Phoi đồng	Cái	PL030

Nguồn: Phòng kế toán công ty Tuyển than Hòn Gai

Hệ thống kho tàng của công ty được quản lý chặt chẽ, mỗi kho có một thủ kho quản lý và sử dụng thẻ kho theo dõi từng loại vật liệu.

Định kỳ hàng năm hoặc 6 tháng tổ chức kiểm kê vật tư ở kho công ty và các phân xưởng theo hình thức kiểm kê chi tiết cân đong, đo, đếm có phân loại sử dụng cho năm kế hoạch sau đối với vật tư tồn kho tồn đọng quá mức dự trữ, cần thiết công ty tổ chức bán và thu hồi vốn theo giá được Ban giám định công ty xác định và Giám đốc duyệt.

Trên cơ sở phân loại nguyên vật liệu như trên, công ty còn phân chia vật liệu một cách tỷ mỉ hơn theo đúng tính năng, quy cách, phẩm chất của vật liệu và được thể hiện ở sổ sách kho và sổ sách kế toán để phục vụ cho công tác hạch toán kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán VL và theo dõi tình hình biến động của VL.

2.2.2. Chứng từ sử dụng để hạch toán bao gồm:

Chứng từ nhập

- Hoá đơn GTGT (Mẫu 01GTKT3); phiếu nhập vật tư (Mẫu 01-VT); biên bản kiểm kê vật tư, hàng hóa (Mẫu 03-VT); bảng phân bổ VL (Mẫu 07-VT).

Chứng từ xuất

- Giấy đề nghị xuất, phiếu xuất vật tư (Mẫu 02-VT), phiếu lĩnh vật tư, hoá đơn GTGT (Mẫu 01GTKT3).

2.2.3. Tài khoản sử dụng

Tài khoản sử dụng để hạch toán VL trong công ty là tài khoản 152. Công ty đã phân loại chi tiết tài khoản cấp II của tài khoản 152 như sau:

- 152.1: Vật liệu chính
- 152.3: Nhiên liệu.
- 152.4: Phụ tùng thay thế.
- 152.5: Vật liệu phụ và vật liệu xây dựng.
- 152.7: Phế liệu thu hồi.

2.2.4. Sổ sách sử dụng:

- Bảng nhập vật liệu, sổ chi tiết VL,CCDC (Mẫu S10-DN)
- Thẻ kho (Mẫu S12-DN)
- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu (Mẫu S11-DN)
- Sổ chi tiết số thanh toán với người bán (Mẫu S31 – DN), NKCT số 5 (Mẫu S04-DN)
- Bảng phân bổ NL,VL (Mẫu 07-VT)

- Nhật ký chứng từ số 7 (Mẫu S04-DN)
- Sổ cái TK 152 (Mẫu S05-DN)

2.2.5. Phương pháp tính giá NVL tại công ty tuyển than Hòn Gai

2.2.5.1 Phương pháp tính giá NVL nhập kho

* Đối với NVL mua ngoài:

Căn cứ vào hoá đơn bán hàng, hoá đơn hoặc chứng từ về chi phí thu mua với hàng hóa trong nước; tờ khai hải quan, phí bảo hiểm, thuế nhập khẩu đối với vật tư nhập khẩu, mà kế toán NVL tiến hành tính giá NVL mua về.

- NVL trong nước:

$$\text{Giá thực tế NVL} = \text{giá mua chưa có thuế GTGT} + \text{Chi phí mua thực tế (giá chưa có thuế GTGT)}$$

- NVL mua do nhập khẩu:

$$\text{Giá thực tế NVL} = \text{giá nhập khẩu} \times \text{Tỷ giá thực tế} + \text{Thuế nhập khẩu} + \text{CP mua}$$

Với chi phí mua gồm: chi phí Vận chuyển, chi phí giao nhận hàng hóa nhập khẩu, chi phí mua vật tư (lương cán bộ vật tư), Chi phí khác: (như bảo hiểm, bốc xếp, chi phí hao hụt vật tư).

Ví dụ: Ngày 18/1/2013 Công ty mua đầu ga doan của XN xăng dầu Quảng Ninh chưa trả tiền người bán theo hoá đơn GTGT số 0000188 ngày 18/1/2013(biểu 2.1), giá chưa thuế GTGT 101.463.750 VNĐ, thuế GTGT 10.146.375 VNĐ, tổng giá thanh toán 111.610.125 VNĐ

Biểu 2.1: HD GTGT

Công ty Tuyển than Hòn Gai

Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: 57AA/12P

Số: 0000188

HOÁ ĐƠN (GTGT)

Liên 2 (giao cho khách hàng)

Ngày 18 tháng 1 năm 2013

Đơn vị bán hàng: Xí nghiệp xăng dầu Quảng Ninh

Địa chỉ: Bãi cháy - Quảng Ninh

Số tài khoản: 014.100.0250.328

Mã số:

5 7 0 0 1 4 0 2 1 1

Họ tên người mua hàng: Lương Anh Tuấn

Đơn vị: Công ty tuyển than Hòn Gai

Điện thoại.....Số tài khoản: 431101010020

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Mã số:

5 7 0 1 3 0 0 2 3 3

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1*2
1	Dầu ga doan	Lít	6.525	15.550	101.463.750

Cộng tiền hàng: 101.463.750

Thuế suất GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT: 10.146.375

Tổng cộng tiền thanh toán: 111.610.125

Viết bằng chữ: Một trăm mười một triệu sáu trăm mười nghìn một trăm hai năm đồng

Người mua hàng
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, họ tên)

Nguồn: phòng kế toán công ty tuyển than Hòn Gai

+ Trường hợp bên cung ứng bao thầu vận chuyển thì chi phí vận chuyển đã được tính trong giá mua nguyên vật liệu. Khi đó giá mua thực tế của nguyên vật liệu nhập kho chính bằng giá mua ghi trên hoá đơn chưa có thuế giá trị gia tăng (trong đó đã có chi phí vận chuyển).

+ Trường hợp chi phí vận chuyển, bốc dỡ do xe của công ty chở thì chi phí này được tính vào chi phí sản xuất chung.

2.2.5.2 Phương pháp tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho

Việc tính giá thực tế NVL xuất kho được căn cứ vào đặc điểm hoạt động của từng doanh nghiệp, vào yêu cầu quản lý và trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán.

Tại Công ty tuyển than Hòn Gai, giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh.

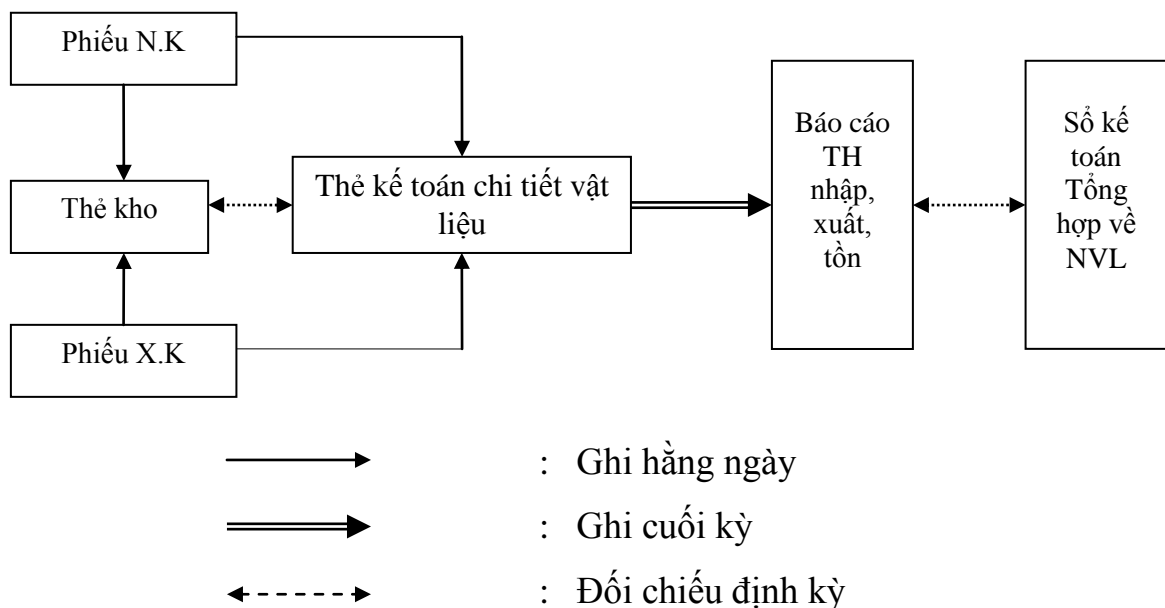
Phương pháp này dựa trên cơ sở thực tế vật liệu xuất ở lô nào thì dùng đúng giá mua thực tế của lô đó để tính giá thực tế của vật liệu xuất dùng cho đối tượng sử dụng.

Giá thực tế = số lượng vật liệu xuất kho x đơn giá thực tế vật liệu xuất kho

Ví dụ: ngày 27/1/2013 Công ty xuất kho 5 cái răng gầu EX 700 cho PXSX với giá xuất kho là 4.800.000 đồng/cái.

Giá xuất kho 5 cái răng gầu EX 700 = 5 x 4.800.000 = 24.000.000 (đồng)

2.2.6. Kế toán chi tiết NVL tại công ty Tuyển than Hòn Gai



Sơ đồ 2.5: Sơ đồ hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song

Nguồn: phòng kế toán công ty tuyển than Hòn Gai

- Tại kho: Hàng ngày, căn cứ vào phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, thủ kho ghi vào thẻ kho để theo dõi tình hình nhập- xuất- tồn kho của từng loại VL về mặt số lượng.

- Tại phòng kế toán: Căn cứ vào phiếu nhập kho, phiếu xuất kho chuyển lên, kế toán sẽ ghi vào sổ chi tiết VL về mặt giá trị cũng như hiện vật. Định kỳ, đối chiếu thẻ kho và sổ chi tiết VL về mặt số lượng, đồng thời đối chiếu sổ chi tiết VL với kế toán tổng hợp về mặt giá trị.

2.2.6.1 Thủ tục nhập NVL

Phòng kế hoạch vật tư cân đối nhu cầu vật tư cho sản xuất, đối chiếu với kho, nếu có nhu cầu cần phải mua loại vật tư nào đó. Phòng kế hoạch vật tư giao nhiệm vụ cho cán bộ vật tư đi mua, ở công ty đều phải kiểm tra chất lượng theo tiêu chuẩn kỹ thuật. Đong đo, kiểm thành phần hoá học trên máy phân tích của công ty. Khi cánh bộ vật tư mua vật tư về cho công ty thì xảy ra 2 trường hợp sau :

* Trường hợp hàng và hoá đơn cùng về:

Khi vật liệu về đến công ty, bộ phận vật tư ở phòng quản lý vật tư báo cho thủ kho và kế toán kho thực hiện nhập. Chủ hàng giao hoá đơn GTGT , hội đồng kiểm nhận lập biên bản kiểm tra hàng nhập kho. Đối với vật liệu cần kiểm nghiệm (thường là những lô hàng có giá trị lớn), cán bộ của phòng kỹ thuật sẽ chịu trách nhiệm kiểm tra và ghi vào phiếu nhập kho.

Nếu phát hiện thiếu hoặc không đúng qui cách, chất lượng thì thủ kho phải báo cáo với phòng vật tư, đồng thời cùng kế toán lập biên bản để làm căn cứ giải quyết với nhà cung cấp. Biên bản phải bao gồm đầy đủ các thành phần tham gia như thủ kho, kế toán, chủ hàng, cán bộ kỹ thuật sau đó giám đốc ký.

Nếu hàng đúng và đủ chất lượng, thủ kho vào sổ rồi chuyển các chứng từ liên quan lên phòng vật tư. Kế toán vật tư căn cứ vào hoá đơn, biên bản kiểm kê, kiểm nghiệm và đối chiếu với hợp đồng đã ký về số lượng thực nhập, chủng loại, chất lượng để ghi số lượng thực tế vào phiếu nhập vật tư (biểu số 3) và căn cứ theo giá hoá đơn của khách hàng bàn giao để ghi vào cột đơn giá, nhập với số lượng thực nhập để ghi vào cột thành tiền trên phiếu nhập. Đồng thời kế toán xem xét số thực nhập và số trên hoá đơn nếu có chênh lệch, kế toán yêu cầu người giao vật tư, xác định số lượng thực tế nhập trên hoá đơn để theo dõi thực tế thanh toán.

Sau đó kế toán vật tư viết phiếu nhập vật tư.

Phiếu nhập: Dùng xác nhận số lượng vật tư, công cụ, dụng cụ, sản phẩm hàng hoá nhập kho làm căn cứ ghi Thẻ kho, thanh toán tiền hàng, xác định trách nhiệm với người có liên quan và ghi sổ kế toán

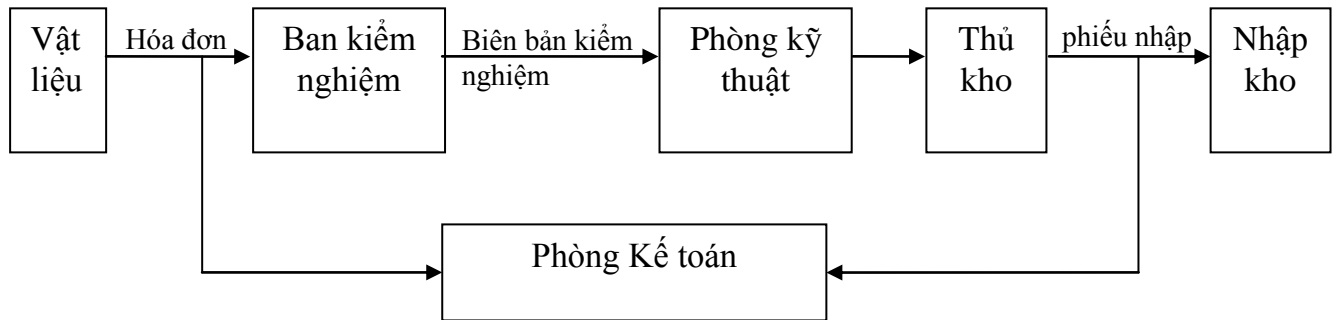
Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên (đặt giấy than viết một lần) giao cả 3 liên cho người giao vật tư, thủ kho, thủ trưởng đơn vị ký nhận trên phiếu nhập, khi ký nhận đầy đủ trên phiếu nhập, sau đó:

Liên 1: Lưu ở phòng quản lý vật tư

Liên 2: Giao cho thủ kho để ghi vào thẻ kho theo chỉ tiêu số lượng và

chuyển cho kế toán vật liệu trên phòng kế toán để ghi vào sổ kế toán

Liên 3: Kèm theo hoá đơn để thanh toán



Sơ đồ 2.6: Trình tự thủ tục nhập kho nguyên vật liệu của Công ty

Nguồn: phòng kế toán công ty Tuyển than Hòn Gai

* Trường hợp hàng về trước hoá đơn

Khi vật liệu về nhập kho, bộ phận vật tư báo cho thủ kho và kế toán vật tư thực hiện nhập. Kế toán căn cứ vào số lượng thực tế để ghi số lượng thực tế và phiếu nhập. Kế toán giao cả 3 liên cho thủ kho, người giao vật tư ký nhập.

Sau khi ký nhận đầy đủ, thủ kho giữ lại liên 2, còn hai liên giao cho kế toán vật tư. Kế toán vật tư chờ khi hoá đơn về (hoá đơn báo giá về trong tháng), lấy giá trên hoá đơn để ghi vào cột “giá đơn vị” nhân với số lượng nhập để ghi vào cột “thành tiền” trên phiếu nhập. Sau đó giao cho cán bộ mua vật tư liên 3 để thanh toán với công ty, còn liên 1 kế toán vật tư lưu. Thủ kho vào thẻ kho, cuối tháng gửi phiếu nhập xuất vật tư lên kế toán vật liệu.

Ví dụ 1: ngày 26/1/2013, công ty nhập 100 tấn than nguyên khai loại I, đơn

giá 1.135.447đ/tấn do Công ty cổ phần than Hà Tu cung ứng.

Biểu 2.2: HĐ GTGT

Công ty Tuyển than Hòn Gai

Mẫu số: 01GTKT3/003

Ký hiệu: 57AA/12P

Số: 0006389

HOÁ ĐƠN (GTGT)

Liên 2 (giao cho khách hàng)

Ngày 19 tháng 1 năm 2013

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần than Hà Tu

Địa chỉ: Hòn Gai, Quảng Ninh

Số tài khoản: 43110973909

Mã số:

5	7	0	0	3	5	3	7	8	8
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Quốc Minh

Đơn vị: Công ty tuyển than Hòn Gai

Điện thoại.....Số tài khoản: 43110973909

Hình thức thanh toán: chưa thanh toán

Mã số:

5	7	0	1	3	0	0	2	3	3
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1*2
1	Than nguyên khai loại 1	Tấn	100	1.135.447	113.544.700

Cộng tiền hàng: 113.544.700

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 11.354.470

Tổng cộng tiền thanh toán: 124.899.170

Viết bằng chữ: Một trăm hai tư triệu tám trăm chín mươi chín nghìn một trăm bảy mươi đồng.

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Nguồn: phòng kế toán công ty tuyển than Hòn Gai

Căn cứ vào hoá đơn (GTGT) số 0006389 và số lượng vật tư về đến công ty.

Cán bộ vật tư cùng với thủ kho, cán bộ kỹ thuật lập biên bản kiểm tra hàng nhập kho.

Biểu 2.3: Biên bản kiểm tra hàng nhập kho

TẬP ĐOÀN THAN-KS VIỆT NAM
Công ty Tuyển than Hòn Gai

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA HÀNG NHẬP KHO

Hôm nay ngày 19/1/2013 tại kho vật tư

Thành phần gồm có:

1. Ông Trương Quốc Vinh - Phòng quản lý vật tư
2. Ông Nguyễn Văn Sơn- Phòng vật tư
3. Bà Hoàng Dung - Thủ kho

Theo HĐ số 0006398 /HĐ-HK ngày 19/1/2013

Tên hàng kiểm tra: Than nguyên khai loại I

Nội dung kiểm tra: Chất lượng, chủng loại Than nguyên khai loại I

KL của hội đồng: Hàng tốt, đảm bảo chất lượng. Nhất trí cho nhập kho

Biên bản được lập xong hồi 15h cùng ngày, đã thông qua mọi người cùng nhất trí ký tên

Đại diện kỹ thuật
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trưởng ban
(Ký, họ tên)

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0006398 ngày 19/1/2013 và biên bản kiểm tra hàng nhập kho, kế toán lập phiếu nhập kho

Biểu 2.4: Phiếu nhập kho**TẬP ĐOÀN CN THAN-KS VIỆT NAM****Mẫu số 01 – VT**

Công Ty Tuyển than Hòn Gai

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ –

BTC Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Nợ TK 152.1

Ngày 19 tháng 1 năm 2013

Có TK 331

Số: 18/1

Tên, địa chỉ người bán: Công ty CP than Hà Tu

Theo hoá đơn số 0006398 ngày 26/1/2013

Nhập tại kho công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số Lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Than nguyên khai loại I		Tấn	100	100	1.135.447	113.544.700

Thuế VAT 10% : 11.354.470

Tổng cộng: 124.899.170

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm hai tư triệu tám trăm chín mươi chín nghìn một trăm bảy mươi đồng.

Ngày 19 tháng 1 năm 2013

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)**Người giao hàng**
(Ký, họ tên)**Thủ kho**
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)

Ví dụ 2: Ngày 25/2/2013 Công ty mua 20 Răng Gầu EX700, đơn giá 4.800.000đ/ cái và 2000 viên than điện 25 x 32 x 40, đơn giá 14.000đ/viên của công ty CP chế tạo máy TKV chưa trả tiền người bán theo hoá đơn GTGT số 0006325 ngày 25/1/2013 (biểu 2.5), giá chưa thuế GTGT 124.000.000 VNĐ, thuế GTGT 12.400.000VNĐ, tổng giá thanh toán 136.400.000 VNĐ. Vật liệu đã được kiểm nghiệm (biểu 2.6) và nhập kho đầy đủ theo PN số 1618 (biểu 2.7)

Biểu 2.5: HD GTGT

Công ty Tuyển than Hòn Gai

Mẫu số: 01GTKT3/003

Ký hiệu: 57AA/12P

Số: 0006325

HOÁ ĐƠN (GTGT)

Liên 2 (giao cho khách hàng)

Ngày 25 tháng 1 năm 2013

Đơn vị bán hàng: Công ty CP chế tạo máy TKV

Địa chỉ: Cẩm Phả, Quảng Ninh

Số tài khoản: 431101010070

Mã số:

5 7 0 0 3 5 3 7 1 5

Họ tên người mua hàng: Hoàng Ninh Hà

Đơn vị: Công ty tuyển than Hòn Gai

Điện thoại.....Số tài khoản: 431101010020

Hình thức thanh toán: chưa thanh toán

Mã số:

5 7 0 1 3 0 0 2 3 3

STT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá Đ	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1*2
1	Răng gầu EX700	Cái	20	4.800.000	96.000.000
2	Than điện 25 x 32 x 40	Viên	2.000	14.000	28.000.000

Cộng tiền hàng: 124.000.000

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 12.400.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 136.400.000

Viết bằng chữ: Một trăm ba sáu triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn.

Người mua hàng

(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

Nguồn: phòng kế toán công ty tuyển than Hòn Gai

Căn cứ vào hoá đơn (GTGT) số 0006325 và số lượng vật tư về đến công ty. Cán bộ vật tư cùng với thủ kho, cán bộ kỹ thuật lập biên bản kiểm tra hàng nhập kho.

Biểu 2.6: Biên bản kiểm tra hàng nhập kho

TẬP ĐOÀN CN THAN_KS VIỆT NAM
Công ty Tuyển than Hòn Gai

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA HÀNG NHẬP KHO

Hôm nay ngày 25/1/2013 tại kho vật tư

Thành phần gồm có:

1. Ông Trương Quốc Vinh - Phòng quản lý vật tư
2. Ông Nguyễn Văn Thành – Phòng cơ điện
3. Bà Hoàng Dung - Thủ kho

Theo HĐ số 0006325 /HĐ-HK ngày 25/1/2013

Tên hàng kiểm tra: Răng gầu EX700

Than điện 25x32x40

Nội dung kiểm tra: Chất lượng, chủng loại Răng gầu EX700, Than điện 25x32x40

KL của hội đồng: Hàng mới 100%, đảm bảo chất lượng. Nhất trí cho nhập kho

Biên bản được lập xong hồi 15h cùng ngày, đã thông qua mọi người cùng nhất trí ký tên

Đại diện kỹ thuật

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Trưởng ban

(Ký, họ tên)

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0006325 ngày 25/1/2013 và biên bản kiểm tra hàng nhập kho, kế toán lập phiếu nhập kho (Biểu số 2.4)

Biểu 2.7: Phiếu nhập kho**TẬP ĐOÀN CN THAN-KS VIỆT NAM****Mẫu số 01 – VT**

Công Ty Tuyển than Hòn Gai

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Nợ TK 1524

Ngày 25 tháng 1 năm 2013

Có TK 331

Số: 32/1

Tên, địa chỉ người bán: Công ty CP chế tạo máy TKV

Theo hoá đơn số 0006325 ngày 25/1/2013

Nhập tại kho công ty

S T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số Lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Răng gâu EX700		Cái	20	20	4.800.000	96.000.000
2	Than điện 25x32x40		Viên	2000	2000	14.000	28.000.000
	Cộng						124.000.000

Thuế VAT 10% : 12.400.000

Tổng cộng : 136.400.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm ba sáu triệu bốn trăm nghìn.

Ngày 25 tháng 1 năm 2013

Người lập phiếu**Người giao hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.8: Bảng kê vật tư

Công ty tuyển than Hòn Gai

**BẢNG KÊ NHẬP KHO VẬT TƯ (GIÁ THỰC TẾ)
TÀI KHOẢN 152
THÁNG 1 NĂM 2013**

Chứng từ		Người nhập	Tên quy cách vật tư	Mã VT	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	TK đối ứng
SH	NT								
			152.2-NVL chính						
0167	19/1	Vinh- VT	Than nguyên khai loại I	VLC 01	Tấn	100	1.135.447	113.544.700	331
0225	19/1	Vinh- VT	Than nguyên khai loại II	VLC03	Tấn	10	2.090.700	20.907.000	331
								
			152.1-Nhiên liệu					568.492.139	
0251	18/1	Vinh-VT	Dầu ga doan	NLN01	Lít	6525	15.550	101.463.750	112
0244	25/1	Vinh -VT	Than điện 25×32×40	NLN05	Viên	2000	14.000	28.000.000	331
0267	26/1	Tú-VT	Xăng A92	NLN02	Lít	45	23.090	1.039.050	141
								
			152.3- Phụ tùng thay thế					1.809.389.578	
0356	13/1	Hòa- VT	Vòng bi	PTT06	Cái	35	72.000	2.525.000	111
0358	14/1	Hòa – VT	Lốp ô tô	PTT05	Cái	20	1.580.000	31.600.000	331
								
			152.4-VL phụ và VL xây dựng					2.690.944.090	
0360	15/1	Vinh-VT	Sắt phi 16	VL09	Kg	3680	12.950	47.656.000	331
0369	25/1	Vinh-VT	Răng gầu EX700	VT053	Cái	20	4.800.000	96.000.000	331
								
			Tổng cộng					5.218.301.552	

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT và phiếu nhập vật tư kế toán sẽ lập Bảng nhập VL (biểu số 2.9) để theo dõi tình hình nhập VL.

Biểu số 2.9: Bảng kê nhập vật tư

Công ty tuyển than Hòn Gai

Ghi Nợ TK 152
BẢNG KÊ NHẬP VẬT TƯ
tháng 1 năm 2013

TK Nợ TK Có	152.1	152.3	152.4	152.5	152.7	Cộng
111		10.491.680	59.994.500	31.430.530		101.916.710
112			85.174.300	148.116.178		233.290.478
141		1.026.818				1.026.818
331	809.506.000	548.438.617	693.100.420	2.509.200.512		4.560.245.549
338.8		2.070.250	24.411.000	171.365.280		197.846.530
627	20.790.808			2.560.600	14.543.000	37.894.408
627.2	20.790.808				2.253.750	23.044.558
627.5					7.387.250	7.387.250
627.6					354.000	354.000
627.8				2.560.600	3.190.000	5.750.600
627.10					1.358.000	1.358.000
641		530.100			200.000	730.000
642		5.934.674		150.000	30.829.500	36.914.174
154.2	40.709.900		541.000	7.185.885		48.436.785
Cộng	871.006.708	568.492.139	917.221.220	2.425.928.433	45.572.500	5.218.301.552

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.6.2 Thủ tục xuất nguyên vật liệu

Vật liệu xuất kho chủ yếu là các phụ tùng thay thế, các vật liệu xây dựng và các vật liệu văn phòng phẩm... Khi xuất kho, kế toán sử dụng phương pháp thực tế đích danh để tính đơn giá xuất cho vật liệu.

2.2.6.2.1 Thủ tục xuất nguyên vật liệu cho sản xuất, sàng tuyển.

Căn cứ vào các hợp đồng mà khách hàng đã đặt, phòng quản lý vật tư căn cứ vào hợp đồng đó tính toán lượng vật tư cần thiết để sản xuất cho các hợp đồng đó để giao kế hoạch sản xuất cho từng phân xưởng.

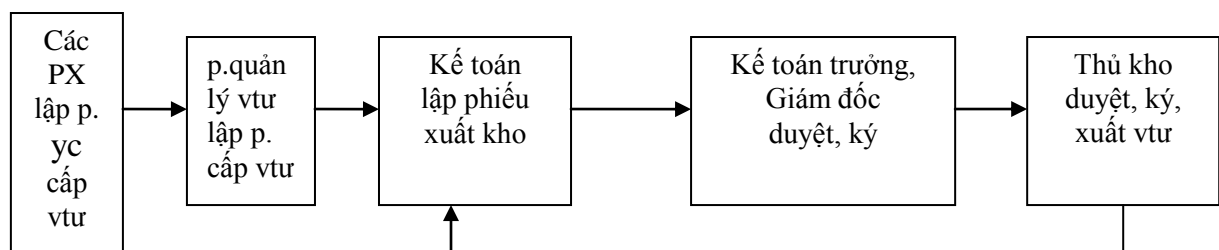
Các phân xưởng nhận kế hoạch được giao đồng thời quản đốc phân xưởng ký phiếu yêu cầu cấp vật tư cho sản xuất (xem biểu 2.6) và chuyển lên phòng quản lý vật tư. Phòng quản lý vật tư xác định số phải cấp cho các phân xưởng sản xuất trên phiếu yêu cầu cấp vật tư cho sản xuất, cột số lượng thực cấp giao lại cho bộ phận sản xuất đến kho lĩnh vật tư.

Phòng quản lý vật tư lập phiếu cấp vật tư (xem biểu 2.7) thành 2 liên và trình phó giám đốc sản xuất ký duyệt. Sau đó 1 liên lưu lại phòng, một liên chuyển cho kế toán vật tư làm phiếu xuất kho vật tư.

Phiếu xuất kho: Dùng theo dõi chặt chẽ số lượng vật tư, công cụ, dụng cụ xuất kho cho các bộ phận sử dụng trong doanh nghiệp, làm căn cứ để hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm.

Phiếu xuất kho được lập thành 2 liên: 1 liên được lưu tại phòng quản lý, 1 liên giao cho thủ kho giữ.

Sơ đồ 2.5: Trình tự thủ tục xuất kho nguyên vật liệu



Nguồn: phòng kế toán công ty Tuyển than Hòn Gai

Biểu 2.10: Phiếu yêu cầu cấp vật tư cho sx**PHIẾU YÊU CẦU CẤP VẬT TƯ CHO SẢN XUẤT**

Ngày 27 tháng 1 năm 2013

Bộ phận sử dụng: Công trường GTCG

Lý do xuất: Phục vụ sản xuất

ST T	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng xin cấp	Số lượng thực cấp	Ghi chú
1	Than nguyên khai loại I		Tấn	50	50	

Phụ trách bộ phận sử dụng*(Ký, họ tên)***Phòng kế hoạch vật tư***Ký, họ tên)***Thủ kho***(Ký, họ tên)*

Phòng quản lý vật tư lập phiếu cấp vật tư (xem biểu 2.11); kế toán lập PXX (biểu 2.12)

Biểu 2.11: Phiếu cấp vật tư**Công ty tuyển than Hòn Gai**

Số : 26 VT/TTHG

PHIẾU CẤP VẬT TƯ

Họ tên người nhận hàng: Vũ Chí Phác

Địa chỉ (bộ phận): Công trường GTCG

Lý do xuất hàng: PXSX (Sàng lọc than)

Nay: Kế hoạch và vật tư đồng ý cấp vật liệu

Quy cách	Đơn vị	Số lượng thực xuất	Ghi chú
Than nguyên khai loại I	Tấn	50	

Ngày 27 tháng 1 năm 2013

Cán bộ TH định mức Kế hoạch sản xuất*(Ký, họ tên)***Thủ trưởng đơn vị***(Ký, họ tên)*

Biểu 2.12: Phiếu xuất kho**TẬP ĐOÀN CN THAN_KS VIỆT NAM****Mẫu số 02-VT****Công ty tuyển than Hòn Gai***(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC**Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)***PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 27 tháng 1 năm 2013

Số: 627

Số: 40

Số: 152.1

- Người nhận hàng: Vũ Chí Phác
- Địa chỉ (bộ phận): Công trường GTCG
- Lý do xuất: PXSX (sàng lọc than)
- Xuất tại kho: Công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng		Giá thực tế	
			Yêu cầu	Thực xuất	Đơn giá	Thành tiền
1	Than nguyên khai loại I	Tấn	50	50	1.135.447	56.772.350
	Cộng					56.772.350

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Năm mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm năm mươi đồng.

Xuất, ngày 27 tháng 1 năm 2013

Người lập phiếu **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.13: Phiếu lĩnh vật tư

Công ty Tuyển than Hòn Gai
Liên 3

Phiếu lĩnh vật tư
Ngày 27 tháng 1 năm 2013

Tên đơn vị lĩnh: Công trường GTCG

Lý do lĩnh: PXSX (Sàng lọc than)

Lĩnh tại kho: công ty

Tên, nhãn hiệu, quy cách	ĐVT	Số lượng		Giá đơn vị	Thành tiền	Ghi chú
		Xin lĩnh	Thực xuất			
A	B	1	2	3	4	C
Than nguyên khai loại I	Tấn	50	50	1.135.447	56.772.350	
Cộng					56.772.350	

Cộng thành tiền (Viết bằng chữ): Năm mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm năm mươi đồng.

Giám đốc PT cung tiêu Phòng KT Thủ kho Người nhận PTĐV lĩnh
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu 2.14: Phiếu yêu cầu cấp vật tư cho sx**PHIẾU YÊU CẦU CẤP VẬT TƯ CHO SẢN XUẤT**

Ngày 28 tháng 1 năm 2013

Bộ phận sử dụng: Công trường GTCG

Lý do xuất: Phục vụ sản xuất

ST T	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng xin cấp	Số lượng thực cấp	Ghi chú
1	Than điện 25x32x40		Viên	1000	1000	

Phụ trách bộ phận sử dụng

(Ký, họ tên)

Phòng kế hoạch vật tư

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Biểu 2.15: Phiếu cấp vật tư**Công ty tuyển than Hòn Gai**

Số : 27 VT/TTHG

PHIẾU CẤP VẬT TƯ

Họ tên người nhận hàng: Phạm Minh

Địa chỉ (bộ phận): Công trường GTCG

Lý do xuất hàng: Xuất cho PXSX

Nay: Kế hoạch và vật tư đồng ý cấp vật tư

Quy cách	Đơn vị	Số lượng thực xuất	Ghi chú
Than điện 25x32x40	Viên	1000	

Ngày 28 tháng 1 năm 2013

Cán bộ TH định mức kế hoạch sản xuất*(Ký, họ tên)***Thủ trưởng đơn vị***(Ký, họ tên)***Biểu 2.16 Phiếu xuất kho****TẬP ĐOÀN CN THAN_KS VIỆT NAM****Công ty tuyển than Hòn Gai****Mẫu số 02-VT***(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC**Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)***PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 28 tháng 1 năm 2013

Số: 41

Nợ: 627

Có: 152.4

- Người nhận hàng: Phạm Minh
- Địa chỉ (bộ phận): Công trường GTCG
- Lý do xuất: xuất cho PXSX
- Xuất tại kho: Công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng		Giá thực tế	
			Yêu cầu	Thực xuất	Đơn giá	Thành tiền
1	Than điện 25x32x40	Viên	1000	1000	14.000	14.000.000
	Cộng					14.000.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Mười bốn triệu đồng.

Xuất, ngày 28 tháng 1 năm 2013

Người lập phiếu **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)* *(Ký, họ tên)*

Biểu 2.17: Phiếu xuất kho**TẬP ĐOÀN CN THAN_KS VIỆT NAM****Mẫu số 02-VT****Công ty tuyển than Hòn Gai***(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC**Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)***PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 28 tháng 1 năm 2013

Số: 627

Số: 42

Có: 152.1

- Người nhận hàng: Vũ Chí Phác
- Địa chỉ (bộ phận): Công trường GTCG
- Lý do xuất: PXSX (Sàng lọc than)
- Xuất tại kho: Công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng		Giá thực tế	
			Yêu cầu	Thực xuất	Đơn giá	Thành tiền
1	Than nguyên khai loại I	Cái	20	20	1.135.447	22.708.940
	Cộng					22.708.940

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi hai triệu bảy trăm linh tám nghìn chín trăm bốn mươi đồng.

Xuất, ngày 28 tháng 1 năm 2013

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc

*(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)*

Do phương pháp tính đơn giá xuất của công ty là phương pháp thực tế đích danh nên kế toán theo dõi tình hình xuất VL trực tiếp trên bảng phân bổ NVL số 2.

Căn cứ vào phiếu nhập vật tư và phiếu xuất kho, thủ kho tiến hành lập thẻ kho (Biểu số 2.18) cho từng loại vật liệu.

Biểu 2.18: Thẻ kho**TẬP ĐOÀN CN THAN_KS VIỆT NAM****Mẫu số S12-DN****Công ty tuyển than Hòn Gai***(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)***THẺ KHO**

Ngày lập thẻ: 01/01/2013

Tờ số: 01

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Than nguyên khai loại I

- ĐVT: Tấn

Đơn giá: 1.135.447 đồng

STT	Chứng từ			Diễn giải	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Số hiệu		NT		Nhập	Xuất	Tồn	
	PN	PX						
			1/1	Tồn đầu tháng			270	
							
1	32		25/1	Cty CP chế tạo máy TKV	100			
2		40	27/1	Xuất cho công trường GTCG		50		
3		42	28/1	Xuất cho PXSX		20		
							
			31/1	Cộng tháng 2	260	160	370	

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Thủ kho
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên)

Biểu 2.19: Thẻ kho**TẬP ĐOÀN CN THAN_KS VIỆT NAM****Mẫu số S12-DN****Công ty tuyển than Hòn Gai***(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)***THẺ KHO**

Ngày lập thẻ: 01/01/2013

Tờ số: 02

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Than điện

- ĐVT: Cái

Đơn giá: 14.000 đồng

STT	Chứng từ			Diễn giải	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Số hiệu		NT		Nhập	Xuất	Tồn	
	PN	PX						
			1/1	Tồn đầu tháng			500	
1	32		25/1	Cty CP chế tạo máy TKV	2000			
2		41	28/1	Xuất cho PXSX		1000		
			31/1	Cộng tháng 1	2000	1000	1500	

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Thủ kho
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên)

2.2.6.2.2. Thủ tục xuất kho vật liệu để bán

Khi có khách hàng đến mua vật tư, phòng kế hoạch vật tư thấy lượng vật tư trong kho còn lớn và vật tư đó không dùng đến để sản xuất sản phẩm, nếu phòng kế hoạch vật tư chấp thuận thì viết phiếu cấp vật tư thành 2 liên (như trường hợp xuất vật liệu vào sản xuất) và chuyển cho phòng kế toán 1 liên. Trên cơ sở đó phòng kế toán lập hoá đơn và mang hoá đơn cho thủ trưởng và đóng dấu trên hoá đơn (xem biểu số 2.16). Kế toán kho chuyển cả phiếu xuất kho và hoá đơn cho khách hàng đến kho nhận vật tư. Sau khi nhận vật tư đầy đủ, người nhận và thủ kho ký nhận hoá đơn và phiếu xuất kho vật tư. Thủ kho giao 1 liên cho khách hàng, 1 liên giữ lại để vào thẻ kho, 1 liên xanh của hoá đơn chuyển cho kế toán thanh toán để theo dõi hoá đơn đó, 1 liên phiếu xuất kho giao cho kế toán vật tư để vào sổ chi tiết .

Ví dụ: Ông Hoàng Quốc Trung tới mua 02 cái Răng Gầu EX700 của công ty có hóa đơn:

Biểu 2.20: HD GTGT

Công ty Tuyển than Hòn Gai

Mẫu số: 01GTKT2/003

Ký hiệu: 57AA/12P

HOÁ ĐƠN (GTGT)

Liên 3 (nội bộ)

Ngày 26 tháng 1 năm 2013

Đơn vị bán hàng: Công ty tuyển than Hòn Gai

N⁰: 009739

Địa chỉ: Hạ long

Số tài khoản: 431101010020

Mã số: 5701300233

Họ tên người mua hàng: Hoàng quốc Trung

Đơn vị: Thái Nguyên

Điện thoại.....

Số tài khoản:9704180015762677

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Mã số:

TT	Tên hàng hoá dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	B	C	1	2	3 = 1*2
	Răng gầu EX700	cái	2	4.800.000	9.600.000
	<i>Cộng</i>				

Cộng tiền hàng: 9.600.000

Thuế suất GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT: 960.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 10.560.000

Viết bằng chữ: Mười triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng

Người mua hàng

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

Biểu 2.21: Phiếu xuất kho**TẬP ĐOÀN CN THAN_KS VIỆT NAM****Mẫu số 02-VT****Công ty tuyển than Hòn Gai***(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC**Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)***PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 26 tháng 1 năm 2013

Số: 632

Số: 39

Có: 152.5

- Người nhận hàng: Hoàng Quốc Trung
- Địa chỉ: Thái Nguyên
- Lý do xuất: Xuất bán vật liệu
- Xuất tại kho: Công ty

TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng		Giá thực tế	
			yêu cầu	Thực xuất	Đơn giá	Thành tiền
	Răng gầu EX700	Cái	02	02	4.800.000	9.600.000
	Cộng					9.600.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Chín triệu sáu trăm ngàn đồng.

*Xuất, ngày 26 tháng 1 năm 2013***Người lập phiếu****Người nhận hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng****Giám đốc***(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)*

2.2.6.3 Quy trình ghi sổ chi tiết NVL

Công ty tiến hành ghi sổ chi tiết theo phương pháp thẻ song song.

Ở kho Công ty tuyển than Hòn Gai thủ kho bảo quản toàn bộ số lượng và chất lượng nguyên vật liệu, nắm vững ở bất kỳ thời điểm nào trong kho về mặt số lượng, chất lượng vật tư, chủng loại của từng loại nguyên vật liệu để sẵn sàng cung cấp, phát kịp thời cho các phân xưởng. Khi nhận được các chứng từ kế toán về nhập xuất kho vật liệu, thủ kho tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ. Hàng ngày căn cứ vào phiếu nhập, phiếu xuất phát sinh thủ kho ghi vào thẻ kho để phản ánh, ghi chép hàng ngày để theo dõi số lượng vật tư – thẻ kho mở rộng cho từng thứ nguyên vật liệu. Đến cuối tháng giao phiếu nhập xuất cho kế toán theo dõi nguyên vật liệu.

Ở phòng kế toán: Cuối tháng kế toán nhận phiếu nhập, xuất từ thủ kho chuyển đến kế toán kiểm tra tính hợp pháp của chứng từ theo từng loại phiếu nhập xuất kho riêng. Căn cứ trên các phiếu nhập, xuất kho vật tư để lên máy vi tính sau đó ghi đơn giá và thành tiền vào sổ chi tiết nguyên vật liệu (biểu số 2.22).

Dẫn chứng: Sổ chi tiết vật liệu tháng 1/2013

Loại vật tư: Than nguyên khai loại I Danh điểm vật tư: VLC01

Biểu 2.22: Sổ chi tiết vật tư**TẬP ĐOÀN CN THAN_KS VIỆT NAM****Công ty tuyển than Hòn Gai****Mẫu số S10-DN***(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)**

Năm 2013

Tài khoản: 152.1 Tên kho: Vật Liệu Chính

Tên quy cách nguyên liệu, vật liệu: Than nguyên khai loại I

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
		Số dư đầu kỳ		1.135.447					270	306.570.069
			
32	25/1	Nhập NVL vào kho	331	1.135.447	100	113.544.700			330	374.697.510
40	27/1	Xuất NVL cho PXSX	627.2	1.135.447			50	56.772.350	320	317.925.160
42	28/1	Xuất NVL cho PXSX	627.2	1.135.447			20	22.708.940	300	295.21.220
			
		Số dư cuối kỳ		1.135.447	260	295.216.220	150	170.317.050	370	420.115.390

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 2.23: Sổ chi tiết vật tư**TẬP ĐOÀN CN THAN_KS VIỆT NAM****Công ty tuyển than Hòn Gai****Mẫu số S10-DN***(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC**Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)**

Năm 2013

Tài khoản: 152 5 Tên kho: Phụ tùng

Tên quy cách nguyên liệu, vật liệu: Than điện 25x32x40

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7
		Số dư đầu kỳ		14.000					500	7.000.000
									
32	25/1	Nhập kho phụ tùng than điện	112	14.000	2000	28.000.000			2500	35.000.000
									
41	28/1	Xuất than điện cho PXSX	627.2	14.000			1000	14.000.000	1500	21.000.000
									
		Số dư cuối kỳ		14.000	2000	28.000.000	1000	14.000.000	1500	21.000.000

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 2 năm 2013
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Tương tự như biểu mẫu trên còn nhập dầu thải, diezen, phụ tùng ...hạch toán rồi mở sổ chi tiết cho từng loại vật liệu.

Kế toán căn cứ vào các phiếu xuất kho, và các chứng từ có liên quan để lập bảng phân bổ nguyên vật liệu (biểu số 2.25)

Bảng phân bổ nguyên vật liệu

- Dùng phản ánh tổng giá trị nguyên vật liệu, xuất kho trong tháng theo giá thực tế và phân bổ giá trị nguyên vật liệu, xuất dùng cho các đối tượng sử dụng hàng tháng (ghi có TK 152, Nợ các TK liên quan)

- Căn cứ vào chứng từ xuất kho vật liệu và giá thực tế của từng loại vật liệu để tính giá thực tế nguyên vật liệu, xuất kho

Biểu 2.24: Bảng kê xuất kho vật tư

Công ty tuyển than Hòn Gai

**BẢNG KÊ XUẤT KHO VẬT TƯ
TÀI KHOẢN 152
THÁNG 1 NĂM 2013**

Chứng từ		Tên quy cách vật tư	Mã VT	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	TK đối ứng
SH	NT							
		1 52.1-Nguyên vật liệu chính					692.240.900	
0021	27/1	Than nguyên khai loại I	VLC01	Tấn	50	1.135.447	56.772.350	627
0022	28/1	Than nguyên khai loại I	VLC01	Tấn	20	1.135.447	22.708.940	627
0023	26/1	Than nguyên khai II	VLC02	Tấn	20	2.696.766	40.451.490	621
							
		152.2- Nhiên liệu					612.282.587	
0045	4/1	Dầu ga doan	NLN01	Lít	3000	15.550	46.650.000	621
0075	17/1	Xăng A92	NLN03	Lít	300	20.240	6.072.000	627
0041	25/1	Than điện 25×32×40	NLN05	Viên	1000	14.000	14.000.000	627
							
		152.3- Phụ tùng thay thế					2.425.928.433	
0069	13/1	Bảng tải B500×4×10	VT002	Mét	38	325.000	12.350.000	627
0074	14/1	Lưới sàng đá 5×5	VT020	Mét	168	58.000	9.744.000	627
							
		152.4-VL phụ và VL xây dựng					1.305.069.003	
0060	15/1	Ống nhựa mềm 442	VL015	Mét	589	125.000	73.656.000	621
0078	28/1	Răng gầu EX700	VT053	Cái	2	4.800.000	9.600.000	632
							
		Tổng cộng					4.360.718.173	

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.25: Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu

TẬP ĐOÀN CN THAN_KS VIỆT NAM
Công ty tuyển than Hòn Gai

Mẫu số 07-VT
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU

Tháng 1 năm 2013

ĐVT: VND

TK Có TK Nợ	TK 152.1	TK 152.3	TK 152.4	TK 152.5	TK152.7	Cộng
TK 621	247.878.000	142.066.800		184.113.737		574.058.537
621.1 Vận tải	97.088.000	142.066.800		9.761.877		248.916.677
621.2 Sàng	150.790.000			174.351.860		325.141.860
TK 627	340.191.609	382.684.321	1.041.895.307	680.584.474	9.450.400	2.454.806.111
627.1 Vận tải	209.800.709	724.940	183.097.657	132.646.324	1.345.000	527.614.630
627.2 Sàng		318.060	179.833.361	324.732.353	4.204.000	509.087.774
627.3 KCS	79.600.900		2.427.000	15.371.402		97.399.302
627.5 Kho than	50.790.000		30.256.600	67.541.086	1.005.000	149.592.686
627.6 Cầu đường			39.478.701	25.607.742		65.086.443
627.8 Cơ khí		106.020	15.950.382	37.306.086	920.000	54.282.488
627.9 Xây dựng				1.090.268	1.176.400	2.266.668
627.10 Cơ giới		381.535.301	590.851.606	76.289.213	800.000	1.049.476.120
TK 641	12.335.301	5.265.791	25.520.000	44.288.517	126.000	87.535.607
641.1 Cảng NCT	12.335.301	5.265.971	25.520.000	44.288.517	126.000	87.535.609
TK 642	9.079.090	80.640.035	74.680.400	87.541.938	2.345.000	254.286.463
TK khác	82.756.900	1.625.640	591.591.826	308.540.338	5.516.750	990.031.455
154.2	82.756.900		1.981.617	20.513.541	4.796.750	110.048.807
241		1.413.601	2.109.796	2.958.136		6.481.533
241.3		212.040	587.500.414	285.068.661	720.000	873.501.115
Cộng	692.240.900	612.282.587	1.733.687.533	1.305.069.003	17.438.150	4.360.718.173

Ngày 31 tháng 2 năm 2013

Người lập biểu*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)*

Từ bảng nhập vật tư, bảng phân bổ vật liệu kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết vật tư hàng hoá (biểu số 2.26).

Biểu 2.26: Bảng tổng hợp chi tiết vật tư hàng hóa

TẬP ĐOÀN CN THAN_KS VIỆT NAM
Công ty tuyển than Hòn Gai

Mẫu số S11-DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU

Tài khoản: 152
 Tháng 1 năm 2013

ĐVT: VND

ST T	Tên, quy cách vật liệu, SP, HH	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	Nguyên vật liệu chính :	2.890.790.090	871.006.708	692.240.900	3.015.555.898
	Than nguyên khai loại I	290.790.890	90.790.080	190.080.790	191.500.180
	Than nguyên khai loại II	379.079.690	180.709.490	390.790.090	168.999.090

2	Nhiên liệu :	115.876.821	568.492.139	612.282.587	72.086.373
	<i>Dầu ga doan</i>	<i>11.550.000</i>	<i>75.363.750</i>	<i>69.300.000</i>	<i>17.613.750</i>
	<i>Dầu Diegen</i>	<i>22.000.000</i>	<i>55.000.000</i>	<i>66.000.000</i>	<i>11.000.000</i>

3	Phụ tùng thay thế:	5.390.142.828	917.221.220	1.733.687.533	4.573.676.515
	Phụ tùng (lưỡi ben, ga lê, bu long..)	3.194.509.714	1.032.356.900	1.344.492.023	2.847.637.996
	Sắt thép	4.536.329.023	437.468.500	930.042.936	4.043.754.587
	3Ka	550.094.181	264.402.528	151.393.474	663.103.235
4	Vật liệu phụ và vl xây dựng:	1.403.653.805	2.870.008.985	1.305.069.003	2.968.593.787
	Trục răng Z12	394.896.000	422.724.393	244.710.355	572.910.038
	<i>Răng gầu EX 700</i>	<i>96.000.000</i>	<i>96.000.000</i>	<i>33.600.000</i>	<i>158.400.000</i>
	<i>Than điện 25x32x40</i>	<i>7.000.000</i>	<i>28.000.000</i>	<i>14.000.000</i>	<i>21.000.000</i>

	Bánh tỷ DZ171	907.152.064	2.322.519.295	933.886.356	2.295.785.003
	Sàng lưới 33x33	9.209.195	83.446.496	85.495.676	7.160.015
	Xi măng	74.756.768	21.509.000	19.437.500	76.828.268
	VP phẩm	17.639.778	19.809.801	21.539.116	15.910.463
5	Phế liệu thu hồi:	199.255.744	45.572.500	17.438.150	227.390.094
	Kim khí (sắt, thép..)	87.075.700	2.050.000	1.658.000	87.467.700
	Phụ tùng (săm, lốp, trục răng)	112.180.044	43.522.500	15.780.150	138.922.394
	Cộng	9.999.719.288	5.218.301.552	4.360.718.173	10.857.302.667

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

*** Kế toán theo dõi thanh toán**

Để phản ánh quan hệ thanh toán với người bán của công ty, kế toán thanh toán mở sổ chi tiết số thanh toán với người bán (biểu số 2.22). Căn cứ vào các hoá đơn mua hàng hoá, phiếu chi tiền mặt, giấy báo nợ của ngân hàng, kế toán thanh toán vào sổ chi tiết thanh toán với người bán cho từng đối tượng.

Ví dụ: sổ chi tiết thanh toán với người bán công ty CP chế tạo máy TKV:

Biểu 2.27: Sổ chi tiết thanh toán với người bán

Đơn vị : Công ty Tuyển than Hòn Gai
Địa chỉ: Bạch Đằng, tp Hạ Long

Mẫu số S31 - DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tháng 01 năm 2013

Đối tượng: công ty CP chế tạo máy TKV

Đơn vị: VND

CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ PHÁT SINH		SỐ DƯ	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
	1/1	Dư đầu kỳ					150.000.000
PN32	25/1	Nhập vật liệu cho DN	1524 1331		124.000.000 12.400.000		286.400.000
PC30	26/1	Thanh toán tiền vật tư	112.1	100.000.000			186.400.000
		CỘNG		100.000.000	136.400.000		
	31/1	DƯ CUỐI KỲ					186.400.000

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 1 năm 2013
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ví dụ: Ngày 2/1/2013, công ty nhập kho vật tư của XN vật tư VT Hòn Gai theo PNK số 20/1 ngày 2/1/2013 trị giá 56.235.460 đồng kèm theo HĐ GTGT 0006545 số tiền là 61.858.996 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%), công ty chưa thanh toán. Kế toán ghi:

Nợ TK152:56.235.460 đồng

Nợ TK133: 5.623.546 đồng

Có TK 331: 61.859.006 đồng

Ngày 08/01/2013 công ty chuyển khoản thanh toán tiền cho XN vật tư VT Hòn Gai, nhận được giấy báo nợ của ngân hàng ngày 8/1/2013 báo đã chuyển séc trả tiền ngân hàng cho XN vật tư VT Hòn Gai, kế toán ghi:

Nợ TK 331: 61.859.006 đồng

Có TK 1121: 61.859.006 đồng

Ngày 10/01/2013 công ty chuyển khoản thanh toán tiền còn nợ cho XN vật tư VT Hòn Gai, nhận được giấy báo nợ của ngân hàng ngày 10/1/2013 báo đã chuyển séc trả tiền ngân hàng cho XN vật tư VT Hòn Gai, kế toán ghi:

Nợ TK 331: 238.141.004 đồng

Có TK 1121: 238.141.004 đồng

Biểu 2.28: Sổ chi tiết thanh toán với người bán

Đơn vị : Công ty Tuyển than Hòn Gai

Mẫu số S31 - DN

Địa chỉ: Bạch Đằng, tp Hạ Long

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tháng 01 năm 2013

Đối tượng: XN vật tư VT Hòn Gai

Đơn vị: VND

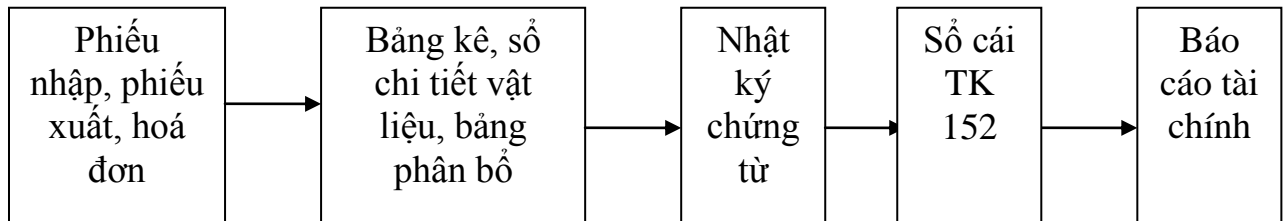
CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐ Ư	SỐ PHÁT SINH		SỐ DƯ	
SH	NT			NỢ	CÓ	Nợ	Có
	1/1	Dư đầu kỳ					596.244.774
PN25	2/1	Nhập vật liệu cho DN	1523		56.235.460		652.480.234
		Thuế GTGT	1331		5.623.546		658.103.780
21	8/1	Thanh toán tiền vật tư	1121	61.859.006			596.244.774
25	10/1	Thanh toán tiền vật tư	1121	238.141.004			358.103.770
		CỘNG		300.000.000	61.859.006		
	31/1	DƯ CUỐI KỲ					358.103.770

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.7 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Quy trình kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty tuyển than Hòn Gai được diễn ra theo sơ đồ sau:



Cơ sở lập NKCT số 7 (biểu số 2.24) là căn cứ vào các bảng phân bổ số 1, bảng phân bổ số 2, bảng phân bổ số 3, sổ cái TK 334.2_ăn ca, NKCT số 1, NKCT số 2 và NKCT số 5...

* Phương pháp lập:

- TK 621: Chi phí NVL trực tiếp.

Tập hợp từ bảng phân bổ nguyên vật liệu (vật liệu_152.4 và nhiên liệu_152.2) và chi tiết cho từng đối tượng sử dụng, cụ thể là cho phân xưởng vận tải (621.1) và phân xưởng sàng (621.2).

- TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp.

Tập hợp từ bảng phân bổ số 1 tiền lương và BHXH và chi tiết cho từng đối tượng sử dụng, cụ thể là cho phân xưởng vận tải (621.1) và phân xưởng sàng (621.2).

- TK 627: Chi phí sản xuất chung.

+ Cột CP vật liệu: Tập hợp từ bảng phân bổ nguyên vật liệu, lấy tổng của phụ tùng thay thế_152.3 cộng với vật liệu_152.4 cộng với phế liệu_152.7 và chi tiết cho từng đối tượng sử dụng.

+ Cột CP nhiên liệu: Tập hợp từ bảng phân bổ nguyên vật liệu, lấy phần nhiên liệu_152.2, chi tiết cho từng đối tượng sử dụng.

.....

Căn cứ vào sổ chi tiết thanh toán với người bán, mỗi khách hàng được theo dõi trên một dòng của Nhật ký chứng từ số 5. Từ đó kế toán lên sổ Nhật ký chứng từ số 5 (biểu 2.25).

Biểu 2.28 Nhật ký chứng từ

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1
Ghi có Tài khoản 111 – Tiền Mặt
 Tháng 1 năm 2013

Số TT	Ngày	Ghi Có tài khoản 111, ghi nợ các tài khoản								
		112	133	138	331	142	152	...	641	Cộng Có 111
...
4										278.059.798
....	5/1				278.059.798					
11	17/1				80.488.609		50.480.799			130.969.408
..				
20	27/1				150.790.888					150.790.888
...				
	Cộng				1.305.160.000		101.916.710			2.580.479.368

Đã ghi sổ cái ngày....tháng....năm....
 Ngày 31 tháng 1 năm 2013.

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký họ tên)

Giám đốc
 (Ký họ tên)

Biểu 2.29: Nhật ký chứng từ

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2
Ghi có Tài khoản 112 – Tiền gửi ngân hàng
 Tháng 1 năm 2013

Số TT	Ngày	Ghi Có tài khoản 112, ghi nợ các tài khoản								
		112	133	138	331	142	152	...	641	Cộng Có 112
...
10	8/1				61.859.006		58.322.619			61.859.006
....
15	10/1				238.141.004					238.141.004
..				
23	26/1				100.000.000		174.967.859			100.000.000
...									
	Cộng				56.593.351.219		233.290.478			60.582.074.666

Đã ghi số cái ngày....tháng....năm....
 Ngày 31.tháng 1.năm 2013.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký họ tên)

Giám đốc
(Ký họ tên)

Biểu 2.30: Nhật ký chứng từ số 5**TẬP ĐOÀN CN THAN_KS VIỆT NAM****Công ty tuyển than Hòn Gai****Mẫu số S04a5-DN***(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)***NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 5****Ghi Có TK 331 - Phải trả cho người bán**

Tháng 1 năm 2013

Tên đơn vị	SD đầu tháng		Ghi có TK 331, ghi Nợ các TK					Theo dõi thanh toán (Ghi Nợ TK 331)			Dư cuối tháng	
	Nợ	Có	152.2	152.3	152.4	133	Tổng	111	112.1	Tổng	N	Có
XN VTư VTài HG		596.224.774		56.235.460		5.623.546	61.858.996		300.000.000	300.000.000		358.083.770
Cty xăng dầu VN		25.000.000	55.000.000			5.500.000	60.500.000	18.000.000	32.000.000	50.000.000		35.500.000
Cty VPP Hạ Long	5.000.000				15.000.000	1.500.000	16.500.000					11.500.000
XN VLiệu PN					265.000.000	26.500.000	291.500.000	18.500.000	218.500.000	250.000.000		41.500.000
.....												
Cty CP CTM TKV		150.000.000			124.000.000	12.400.000	136.400.000		100.000.000	100.000.000		168.400.000
Tổng cộng	3.726.526.758	55.781.232.796	548.438.610	1.564.107.128	2.509.200.512	3.749.003.548	8.370.749.798	1.305.160.000	56.593.351.219	57.898.511.219		2.526.944.617

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán tổng hợp
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.31: Bảng kê

TẬP ĐOÀN CN THAN_KS VIỆT NAM
Công ty tuyển than Hòn Gai

Mẫu số S04a5-DN
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng
 BTC)

BẢNG KÊ SỐ 3
Tính giá thực tế nguyên vật liệu
Tháng 1 năm 2013

STT	Chỉ tiêu	TK 152.1	TK 152.3	152.4	152.5	152.7	Cộng TK 152
I	Tồn đầu kỳ	2.890.790.020	115.876.821	5.390.142.828	1.403.653.805	199.255.744	9.999.719.288
II	Nhập trong kỳ	817.006.708	568.492.139	917.221.220	2.870.008.985	45.572.500	5.218.301.552
1	Nhập từ TK 111		45.026.710	54.890.000		2.000.000	101.916.710
2	Nhập từ TK 112		101.463.750		131.826.728		233.290.478
3	Nhập từ TK 141		486.452			540.366	1.026.818
4	Nhập từ TK 338		48.923.265	93.033.265	55.890.000		197.846.530
5	Nhập từ TK 331	809.506.000	548.438.617	693.100.420	2.509.200.512		4.560.245.549
	...						
III	Xuất trong kỳ	692.240.900	612.282.587	1.733.687.533	1.305.069.003	17.438.150	4.360.718.173
IV	Tồn kho cuối kỳ	3.015.555.898	72.086.373	4.573.676.515	2.968.593.787	227.390.094	10.857.302.667

Người ghi số
 (Ký, họ tên)

Kế toán tổng hợp
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 1 năm 2013
 Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu 2.32 : Bảng kê

TẬP ĐOÀN CN THAN_KS VIỆT NAM
Công ty tuyển than Hòn Gai

Mẫu số S04a5-DN
 (Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ SỐ 4
 Tập hợp chi phí sản xuất theo phân xưởng
 Tháng 1 năm 2013

STT	TK Có		Các TK phản ánh ở NKCT khác				Cộng CF thực tế
	TK Nợ	152		NKCT số 1	NKCT số 2	NKCT số 5		
1	154	110.048.807						11.280.015.240
2	621	574.058.537						574.058.537
3	622							1.437.478.038
4	627	2.454.806.111	...	112.096.596	908.798.809	2.079.584.709	...	9.516.356.667
	Tổng cộng	3.138.913.455		112.096.596	908.798.809	2.079.584.709	22.560.030.480

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán tổng hợp
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.33: Bảng kê

TẬP ĐOÀN CN THAN_KS VIỆT NAM
Công ty tuyển than Hòn Gai

Mẫu số S04a5-DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng
 BTC)

BẢNG KÊ SỐ 5

Tập hợp: Chi phí đầu tư XD CB – TK 241
 Chi phí bán hàng – TK 641
 Chi phí quản lý doanh nghiệp - 642

STT	TK Có TK Nợ	152	...	Các TK phản ánh ở NKCT khác				Cộng CF thực tế
				NKCT số 1	NKCT số 2	NKCT số 5	
1	241	879.982.648	...					2.598.068.790
2	641	87.535.607	...					2.282.352.733
3	642	254.286.463	...	584.906.790	328.049.683	79.035.890		3.506.673.705
	Tổng cộng	1.221.804.718	...	584.906.790	328.049.683	79.035.890		8.387.095.228

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán tổng hợp
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu 2.34: Nhật ký chứng từ số 7**TẬP ĐOÀN CN THAN_KS VIỆT NAM****Mẫu số S04a7-DN****Công ty tuyển than Hòn Gai***(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày**20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)***NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 7**
Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố
Tháng 1 năm 2013

ĐVT: VND

S T T	Tên các TK chi phí SXKD	Yếu tố chi phí SXKD					LC nội bộ không tính vào CP	Tổng cộng chi phí
		Chi phí vật liệu	Chi phí nhiên liệu	CP KH TSC Đ	...	Cộng		
1	TK 621	431.991.737	142.066.800	574.058.537	
	621.1	106.849.877	142.066.800				151.828.677	
	621.2	325.141.860					325.141.860	
2	TK 622						1.437.478.038	
	622.1						636.699.057	
	622.2						800.778.981	
3	TK 627	1.731.930.181	382.684.321				9.516.356.667	
	* 627.1 V tải	527.614.630	724.940				1.043.951.593	
	* 627.2 Sàng	508.769.714	318.060				3.765.459.559	
	* 627.3 KCS	97.399.302					440.623.933	
	* 627.5 Kho than	149.592.686					876.711.157	
	* 627.6 Cầu đường	65.086.443					553.672.512	
	* 627.8 Cơ khí	54.176.468	106.020				534.751.442	
	* 627.9 XD_CBT	2.266.668					198.721.224	
	* 627.10 Cơ giới	667.940.819	381.535.301				2.102.465.247	
4	TK 641	82.269.818	5.265.791				2.282.352.733	
5	TK 642	173.646.428	80.640.035				3.506.673.705	
6	TK 241.2 XDCB	5.067.932	1.413.600				
7	TK 241.3 SCL	873.290.075	212.040				
8	TK 154.2	110.048.806					
	TỔNG SỐ	3.748.435.586	612.282.587				18.641.265.260	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán tổng hợp
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 1 năm 2013

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.35 Sổ cái**TẬP ĐOÀN CN THAN_KS VIỆT NAM****Mẫu số S05-DN****Công ty tuyển than Hòn Gai***(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC**Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI****Tài khoản : 331**

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
	52.054.706.030

Ghi có các TK, đối ứng nợ với các TK này	Tháng 1	Cộng
111	1.305.160.000		
112.1	56.593.351.219		
....		
338		
133		
Cộng số phát sinh Nợ	57.898.511.219		
Cộng số phát sinh Có	8.370.749.798		

Số dư cuối tháng	Nợ		
	Có	2.526.944.617	

Ngày 31 tháng 1 năm 2013**Kế toán ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)*

Cuối tháng kế toán ghi vào sổ cái TK 152 (biểu số 2.36)

Biểu 2.36: Sổ cái**TẬP ĐOÀN CN THAN_KS VIỆT NAM****Mẫu số S05-DN****Công ty tuyển than Hòn Gai***(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC**Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ CÁI****Tài khoản : 152**

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
9.999.719.288	

Ghi có các TK, đối ứng nợ với các TK này	Tháng 1	Cộng
111	101.916.710		
112.1	233.290.478		
138.1			
141	1.026.818		
154.2	48.436.785		
241.1			
241.2			
241.3			
331	4.560.245.549		
338.1			
338.8	197.846.530		
621			
627	37.894.408		
641	730.100		
642	36.914.174		
Cộng số phát sinh Nợ	5.218.301.552		
Cộng số phát sinh Có	4.360.718.173		

Số dư cuối tháng	Nợ	10.857.302.667		
	Có			

Ngày 31 tháng 1 năm 2013**Kế toán ghi sổ***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)*

PHẦN III: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TUYỂN THAN HÒN GAI

3.1. Đánh giá thực trạng kế toán NVL tại công ty tuyển than Hòn Gai

3.1.1. Ưu điểm

Từ khi thành lập, công ty đã trải qua biết bao thăng trầm. Song, với sự cố gắng hết mình của Ban lãnh đạo công ty, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, đội ngũ kế toán viên dày dặn kinh nghiệm, công ty đã khắc phục được những khó khăn và đang từng bước lớn mạnh không ngừng về mọi mặt. Là một doanh nghiệp Nhà nước, sản xuất đa dạng, hiệu quả trong nền kinh tế thị trường, sản phẩm của công ty đã có mặt trên nhiều thị trường trong và ngoài nước. Sở dĩ có được kết quả như vậy là do sự phấn đấu không mệt mỏi của toàn thể CBCNV, sự linh hoạt trong công tác quản lý sản xuất đã trở thành đòn bẩy tích cực trong quá trình hình thành và phát triển của công ty.

Nhìn một cách tổng thể, công tác kế toán nguyên vật liệu ở Công ty tuyển than Hòn gai đã đạt được một số kết quả sau :

Công ty có hệ thống kho tàng tương đối tốt, nguyên vật liệu đã được sắp xếp gọn gàng phù hợp với đặc tính chất lý, hoá học của từng thứ, từng loại cho nên việc quản lý nhiên liệu ở đây tương đối tốt để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và mỗi kho đều có dấu niêm phong của kho và tránh hiện tượng xâm phạm tài sản từ bên ngoài.

- Khâu thu mua nguyên vật liệu đảm bảo cho sản xuất về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại quy cách, mẫu mã của công ty tương đối tốt. Công ty đã quản lý tốt việc sử dụng nguyên vật liệu, đảm bảo việc cung cấp đầy đủ, kịp thời vật liệu cho sản xuất, tránh tình trạng lãng phí, hay thiếu nguyên vật liệu, nguyên vật liệu mua được nhập kho đầy đủ và phản ánh trên các sổ kế toán.

- Trình tự nhập, xuất nguyên vật liệu ở công ty được tiến hành trên máy vi tính hợp lý hợp lệ, chi tiết rõ ràng, rút ngắn rất nhiều thời gian. Việc vào sổ sách theo dõi tình hình xuất nhập vật liệu được tiến hành thường xuyên, đầy đủ. Số liệu giữa thủ kho và kế toán luôn được đối chiếu, so sánh nên những sai sót đều được phát hiện kịp thời. Các nghiệp vụ kế toán phát sinh đều được thực hiện trên các sổ tổng hợp liên quan.

- Công ty đã chọn được phương pháp đánh giá nguyên vật liệu phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Đồng thời đáp ứng được nhu cầu quản lý nguyên vật liệu là phản ánh chính xác giá trị vật liệu xuất dùng để

xác định chi phí nguyên vật liệu trong kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- Công ty đã xây dựng hệ thống định mức sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu. Nhờ đó, vật liệu được xuất đúng mục đích sản xuất và quản lý dựa trên định mức tiêu hao từng loại nguyên vật liệu. Khi có nhu cầu về vật liệu thì các bộ phận sử dụng làm phiếu xin lĩnh vật tư gửi lên Giám đốc. Sau khi xem xét hợp lý, hợp lệ các nhu cầu sử dụng vật liệu, Giám đốc xét duyệt. Bằng cách đó vẫn có thể cung cấp kịp thời, đầy đủ mà vẫn tránh được tình trạng hao hụt, mất mát, lãng phí vật liệu.

- Công ty áp dụng kế toán áp dụng kế toán trên máy vi tính đã giúp cho kế toán giảm bớt được khối lượng công việc nhưng vẫn đảm bảo theo dõi chặt chẽ tình hình biến động của vật tư.

- Kế toán nguyên vật liệu đã vận dụng tài khoản một cách phù hợp để theo dõi sự biến động của NVL, đảm bảo luân chuyển chứng từ khoa học hợp lý, hạn chế việc ghi chép trùng lặp nhưng vẫn đảm bảo nội dung hạch toán.

3.1.2. Nhược điểm:

Tuy nhiên, bộ máy quản lý của công ty vẫn còn cồng kềnh, còn nhiều phòng ban, tốn nhiều chi phí vào quản lý công ty.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được đã được công tác kế toán vật liệu của nhà máy vẫn còn một số tồn tại sau :

- Thứ nhất: Quy trình luân chuyển chứng từ (Phiếu nhập, phiếu xuất kho NVL) còn hạn chế là cuối tháng thủ kho mới tập hợp chứng từ và chuyển lên kế toán để kế toán ghi sổ chi tiết.

- Thứ hai: Công ty áp dụng hạch toán phần mềm kế toán trên máy vi tính nhưng riêng đối với phần hành kế toán NVL chưa thực hiện chi tiết được phần xuất nguyên vật liệu cho từng đơn vị sản xuất.

- Thứ ba: Công ty chưa thực hiện lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- Thứ tư: Công ty tuyển than Hòn Gai có địa bàn hoạt động kinh doanh rộng cho nên việc kiểm tra, giám sát của kế toán còn một số hạn chế, việc luân chuyển chứng từ và cung cấp thông tin kinh tế về phòng kế toán còn chậm đã làm cho việc cung cấp thông tin đến cho ban lãnh đạo chưa được kịp thời, các báo cáo cần được lập và gửi đến các cơ quan nhà nước chuyên quản thường bị chậm trễ.

- Thứ năm: công ty chưa áp dụng mẫu biên bản kiểm nghiệm và nhật ký chứng từ số 7 theo QĐ 15/2006 của BTC.

- Thứ sáu: Xây dựng hệ thống danh điểm thống nhất trong công ty.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vật liệu tại công ty tuyển than Hòn Gai

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán NVL

NVL của công ty chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản phẩm của công ty, phục vụ đặc lực cho quá trình sản xuất kinh doanh. Việc quản lý tốt NVL là đã góp phần hạ chi phí và giá thành sản phẩm của công ty.

Công ty tuyển than Hòn Gai là một đơn vị có quy mô sản xuất, kinh doanh lớn, quy trình sản xuất diễn ra thường xuyên liên tục, số lượng nhập xuất NVL trong kỳ kế toán nhiều. Chính vì vậy đòi hỏi công ty cần có những biện pháp quản lý NVL phù hợp với điều kiện cụ thể của công ty.

3.2.2. Hoàn thiện công tác kế toán NVL tại công ty tuyển than Hòn Gai

Để công tác kế toán NVL của công ty tuyển than Hòn Gai đạt được những kết quả cao hơn nữa thì theo em công ty cần phải cải tiến và hoàn thiện một số vấn đề sau

Thứ nhất: Đổi mới, hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ nhập xuất nguyên vật liệu.

Công ty có số nghiệp vụ kinh tế phát sinh về nhập xuất nguyên vật liệu tương đối lớn, số lượng chứng từ nhập xuất NVL tập hợp trong tháng nhiều. Trong thực tế như hiện nay là cuối tháng thủ kho mới thực hiện tập hợp và chuyển chứng từ về kế toán nên việc cập nhật số liệu, ghi chép sổ chi tiết cũng như công tác tổng hợp gặp rất nhiều khó khăn.

Để thực hiện đúng các quy định hiện hành về việc luân chuyển chứng từ cũng như nhằm đẩy mạnh công tác quản lý và tăng cường khả năng kiểm soát, điều hành sản xuất được kịp thời ... công ty tuyển than Hòn Gai cần thiết nhanh chóng ra quy chế về chế độ luân chuyển chứng từ nội bộ. Kế toán NVL cần bám sát các kho để đôn đốc và thực hiện thu thập chứng từ nhập xuất NVL kịp thời trong ngày để ghi sổ và vào máy vi tính theo yêu cầu, tạo điều kiện cho công tác quản lý và tổng hợp nhanh chóng và chặt chẽ.

Thứ hai: Thực hiện quản lý hợp lý trên máy vi tính :

Với mô hình hiện nay của công ty có rất nhiều các phân xưởng với các chức năng khác nhau, việc tập hợp chi phí cho từng phân xưởng còn đang gặp nhiều vướng mắc. Trong đó công việc tập hợp chi phí nguyên vật liệu cho từng phân xưởng mặc dù đã được áp dụng kế toán trên máy vi tính nhưng vẫn chưa thể tập hợp riêng cho từng phân xưởng theo yêu cầu quản lý.

Công ty cần thiết từng bước thực hiện thắt chặt công tác quản lý chi phí sản xuất kinh doanh. Đặc biệt với mô hình sàng tuyển than, chi phí nguyên vật liệu phục vụ sản xuất là rất lớn, việc tính giá thành chi tiết cho từng sản phẩm là rất khó khăn và thiếu chính xác, do vậy công ty nên đầu tư phần mềm kế toán dành riêng cho mô hình kế toán trong doanh nghiệp

Thứ ba: Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Như đã nói ở trên, công ty có số phát sinh về nguyên vật liệu rất lớn, số lượng nguyên vật liệu tồn kho, ... luôn luôn chiếm trọng cao trên bảng tổng kết tài sản. Công ty tuyển than Hòn Gai không thực hiện lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đây sẽ là nguy cơ tiềm ẩn đối với nhà máy trong giai đoạn giá cả thị trường biến động liên tục như hiện nay.

Việc trích lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho được thực hiện khi:

- Là những nguyên vật liệu tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính có giá thị trường thấp hơn giá ghi trên sổ kế toán.

- Nguyên vật liệu thuộc quyền sở hữu của Công ty tồn kho tại thời điểm lập BCTC. Trong trường hợp nguyên vật liệu sử dụng làm nguyên vật liệu chính sản xuất sản phẩm, có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc nhưng giá bán sản phẩm từ nguyên vật liệu này không bị giảm giá thì Công ty cũng không được trích lập dự phòng.

- Có chứng từ hóa đơn hợp lý hợp lệ.

Công ty cần phải thực hiện nghiêm túc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tạo điều kiện làm lành mạnh tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của đơn vị.

** Về lập dự phòng giảm giá HTK:*

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc lập dự phòng giảm giá nguyên vật liệu phải tiến hành cho từng danh điểm vật tư, sau đó tổng hợp lại ra tổng số dự phòng cần.

Xác định dự phòng và hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

$$\text{Mức dự phòng giảm giá VLi} = \text{Số lượng tồn kho VLi} \times \text{Giá trị VLi trên sổ kế toán} - \text{Giá thực tế VLi trên thị trường}$$

Tổng số dự phòng cần lập = Tổng mức dự phòng giảm giá VLi

Ví dụ: Công ty tồn kho 1500 viên than điện 25x32x40, giá ghi trên sổ kế toán là 14.500 đồng, giá thực tế trên thị trường là 14.000 đồng.

Ta có:

Mức dự phòng giảm giá than điện = $1500 \times (14.500 - 14.000) = 750.000$ đồng

Khi đó kế toán ghi

Nợ TK 632: 750.000

Có TK 159: 750.000

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán là giá vốn hàng bán, nếu hoàn nhập hạch toán giảm giá vốn hàng bán.

Cuối niên độ kế toán, căn cứ vào mức trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán ghi:

Nợ TK 632: giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Cuối niên độ sau (N+1), tính mức dự phòng cần lập, nếu:

+ Mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối niên độ sau cao hơn mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập năm trước thì số chênh lệch được lập thêm, ghi:

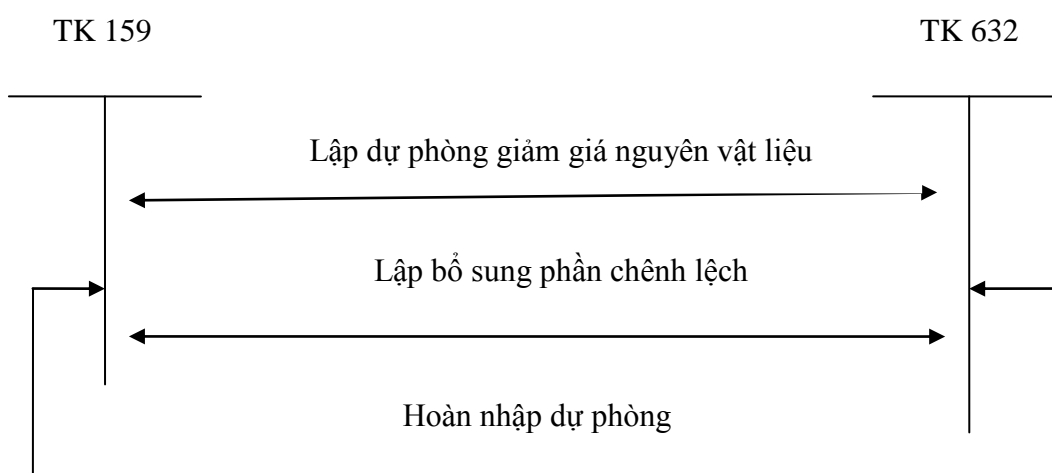
Nợ TK 632: giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

+ Mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối niên độ sau thấp hơn mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập năm trước thì số chênh lệch được hoàn nhập dự phòng, ghi:

Nợ TK 159: dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632: giá vốn hàng bán.



Sơ đồ 3.1: sơ đồ hạch toán dự phòng giảm giá nguyên vật liệu

Thứ tự: Công ty nên lập biên bản kiểm nghiệm để kiểm tra nguyên vật liệu theo mẫu ở QĐ 15/2006 của BTC. Mẫu biên bản kiểm nghiệm như sau:

Biểu 3.1: Biên bản kiểm nghiệm vật tư**Công Ty Tuyển than Hòn Gai****Mẫu số: 03 – VT****ĐC: Bạch Đằng, Hạ Long, QN****(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC****Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)****BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ**

Ngày tháng năm

Số:

Căn cứ vào

Ban kiểm nghiệm gồm:

Ông: Chức vụ: Đại diện: Trưởng ban

Bà: Chức vụ: Đại diện: Ủy viên

Bà: Chức vụ: Đại diện: Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại vật tư sau:

S T T	Tên nhãn hiệu, QC v.tư	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đ V T	SL theo c.từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, PC	Số lượng không đúng QC, PC	

Ý kiến của Ban kiểm nghiệm: Chúng tôi đã tiến hành kiểm nghiệm số lượng nhập của các vật tư trên và đều thấy số lượng trên đúng quy cách, phẩm chất

Đại diện kỹ thuật**Thủ kho****Trưởng ban***(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)*

Thứ năm: công ty nên áp dụng sổ nhật ký chứng từ số 7 theo mẫu ở QĐ 15/2006 của BTC. Mẫu số như sau:

Biểu 3.2: Nhật ký chứng từ

Bộ, Tổng cục.....

Đơn vị:.....

Mẫu số

Ban hành theo

Nhật ký chứng từ số 7

Phần I: Tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh toán doanh nghiệp

Ghi có các TK: 142, 151, 152, 153, 154, 214, 231, 234, 325, 611, 621, 622, 627, 631

Thángnăm

Số TT	TK có TK nợ	142	151	152	325	611	621	Các TK phản ánh ở các NKCT khác				Tổng cộng chi phí
								NKCT Số 1	NKCT số 2	NKCT 5	NKCT..	
1	2	3	4	5	11	12	13	17	18	19	20	21
1	154			110.048.807								11.280.015.240
2	621			574.058.537								326.180.537
3	627			2.454.806.111				112.096.596	908.798.809	2.079.584.709		9.516.356.667
4	241			879.982.648								2.598.068.790
5	641			87.535.607								2.282.352.733
....	642			254.286.463				584.906.790	328.049.683	79.035.890		3.506.673.705
10	Cộng A			4.360.718.173				697.003.386	1.236.848.492	2.158.620.599		30.947.125.710
11	151											
12	152							101.916.710	233.290.478	4.621.746.257		5.218.301.552
13	153											
14	155											
16	632											
21											
24	Cộng B											
25	Tổng cộng (A + B)			4.360.718.173				798.920.000	1.470.138.970	6.780.366.856		36.165.427.260

Đã ghi số cái ngày ... tháng ... năm

Ngàytháng năm .

Kế toán tổng hợp ký

(Họ và tên)

Kế toán trưởng ký

(Họ và tên)

Kế toán ghi sổ ký

(Họ và tên)

Thứ sáu :Xây dựng hệ thống danh điểm thống nhất trong công ty

Nguyên vật liệu trong công ty có rất nhiều chủng loại khác nhau , việc thiết lập sổ danh điểm là cần thiết nhưng nên quản lý khoa học và theo một quy trình, chủng loại cụ thể. Hiện tại công ty đã xây dựng bộ mã vật tư theo thứ tự 01,02,03.. nhưng chưa thể hiện rõ được nhóm, loại nguyên vật liệu cần tìm kiếm.Bởi vậy nên công ty có thể áp dụng theo mẫu sau :

Biểu 3.3 Sổ danh điểm vật tư**SỔ DANH ĐIỂM VẬT LIỆU**

Ký hiệu			Tên,nhãn hiệu, quy cách của nguyên vật liệu	ĐVT	Ghi chú
Loại	Nhóm	Mã số danh điểm			
1521			Nguyên vật liệu chính		
	1521.01		Than Cám	Tấn	
		1521.01.01	Than cám loại I	Tấn	
		1521.01.02	Than cám loại II	Tấn	
				
1523			Nhiên liệu		
	1523.01		Xăng	Lít	
	1523.02		Dầu	Lít	
		1523.02.01	Dầu A92	Lít	
		1523.02.02	Dầu ga doan	Lít	
		
1524			Phụ tùng thay thế		
	1524.01		Vòng bi	Cái	
	1524.02		Lốp ô tô	Cái	
		
1525					
	1525.01		Răng gâu	Cái	
	1525.02		Thép		
		1525.02.01	Thép Φ 3 LD	Kg	
	

KẾT LUẬN

Một lần nữa ta khẳng định hạch toán kế toán là công cụ quan trọng trong công tác quản lý vật liệu ở các doanh nghiệp sản xuất nói chung và ở công ty tuyển than Hòn Gai nói riêng, nó có tác dụng to lớn trong quản lý kinh tế. Để phát huy vai trò một cách có hiệu lực của mình, đòi hỏi việc tổ chức công tác kế toán phải không ngừng đổi mới sao cho phù hợp đáp ứng yêu cầu quản lý, đặc biệt là kế toán vật liệu, phải luôn được tiến hành cải tiến và hoàn thiện để có thể phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời một cách toàn diện về tình hình nhập xuất tồn NVL.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế của công ty tuyển than Hòn Gai, em thấy công tác hạch toán vật liệu có ảnh hưởng rất lớn đến công tác quản lý vật liệu. Mặc dù có nhiều khó khăn khách quan song công ty tuyển than Hòn Gai luôn luôn cố gắng khắc phục khó khăn để phục vụ tương đối kịp thời, đầy đủ vật liệu cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Trải qua nhiều năm nhà máy đã từng bước phát triển và lớn mạnh, đó cũng nhờ một phần bộ máy kế toán của nhà máy không ngừng được sửa đổi và hoàn thiện.

Tuy nhiên, công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác hạch toán vật liệu nói riêng vẫn còn một số tồn tại và hạn chế như bản viết này đã trình bày.

Vì thời gian thực tập có hạn, kinh nghiệm bản thân còn hạn chế do vậy luận văn không tránh khỏi một số thiếu sót. Kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô cũng như của các cán bộ kế toán công ty để bản chuyên đề hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của **Thạc sĩ. Phạm Văn Tường** và Ban lãnh đạo công ty, các cán bộ nhân viên phòng kế toán **Công ty tuyển than Hòn Gai** đã giúp đỡ em hoàn thiện bản luận văn này.

Hải Phòng, ngày 22 tháng 6 năm 2014

Sinh viên thực hiện

Ngô Thị Phương Thanh

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
2. Giáo trình kế toán tài chính (Nhà xuất bản thống kê năm 2009).
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp Quyển I & II (Nhà xuất bản lao động năm 2011)
4. Võ Văn Nhị (2006), *Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp, ghi sổ kế toán*
5. Thông tin tổng hợp từ một số trang Web: www.lib.hpu.vn, www.tailieu.vn, www.tapchiketoan.com, www.google.com.vn ...